

TỊNH TỪ YẾU NGŨ

Thiền Sư Nguyên Hiền
Thích Minh Thành dịch

MỤC LỤC

1. Lời ngỏ
2. Thiền Sư Nguyên Hiền
3. Lời tựa

Quyển Thượng Tĩnh Từ Yếu Ngũ

- Nguồn gốc giáo lý Tịnh độ
- Chánh tín niệm Phật
- Chánh hạnh niệm Phật
- Tu thêm những việc phước
- Chánh nguyện niệm Phật
- Chánh niệm lúc lâm chung
- Sự khó và dễ của hai cõi
- Giải nghi Tịnh độ

Quyển Hạ Tĩnh Từ Yếu Ngũ

- Ngăn cấm sát sinh
- Khuyến phóng sinh
- Giải nghi giới sát
- Sát sinh bị ác báo, phóng sinh được thiện báo

LỜI NGỎ

Thuốc không luận quý hiếm hay thông thường, miễn chữa lành bệnh là thuốc hay. Pháp chẳng luận cạn sâu, hóa giải được phiền não là Diệu pháp. Do chúng sinh có nhiều bệnh, nên đức Phật mới lập ra nhiều pháp môn, nhưng tất cả giáo lý đều lấy giác ngộ làm đích đến.

Một câu A-Di-Đà thật rất giản đơn, dễ thực hành nhưng hiệu quả vô cùng nhanh chóng, nghĩa lý sâu rộng vô biên. Nói về chiều sâu, hàng Thượng căn nương nơi đây thâm nhập Tụ tánh Di-Đà, tỏ ngộ Duy tâm Tịnh độ. Nói về chiều rộng, hàng Trung Hạ chỉ cần tin, nguyện và thực

hành, thì hiện tại phiền não tiêu mòn, thân tâm an lạc; đến khi lâm chung giữ vững chánh niệm được vãng sinh. Như thế, chẳng phải là rất sâu xa, rộng lớn hay sao?

“Một pháp môn Tịnh độ lợi khắp ba căn, thấu nhiếp cả Thánh lẫn phàm”. Từng chữ, từng lời, từng câu nói của người xưa đều là chân thật, đều phát xuất từ tấm lòng đại bi vô hạn!

Quyển “Tịnh Từ Yếu Ngữ” do Thiền sư Nguyên Hiền trước tác, lời dạy thật đơn giản nhưng chứa đựng trọn vẹn yếu chỉ của sự tu hành, trình bày rõ ràng pháp môn niệm Phật, Sự Lý viên dung, khuyên bảo mọi người giữ giới sát, ăn chay, thực hành phóng sinh nhằm làm cho tâm từ bi được mỗi ngày thêm tăng trưởng. Đây thật là thuyền từ trong biển khổ, đuốc sáng giữa đêm tối vô minh, là kim chỉ nam giúp cho người tu Tịnh nghiệp thoát khỏi sinh tử luân hồi về nơi Tịnh độ. Vì lợi ích đó, nên chúng tôi phiên dịch sách này ra Việt văn.

Chúng tôi thành kính tri ân: Hòa thượng thượng Trí hạ Tịnh (Viện chủ chùa Vạn Đức), Thượng tọa trụ trì chùa Bửu Liên, Đại đức trụ trì chùa Hoằng Pháp, Đại đức trụ trì chùa Thiên Hưng cùng chư pháp hữu: ĐĐ. Pháp Đăng. ĐĐ. Tâm Huệ, Sa-di Quang Hội, Phật tử Diệu Thiện, Tâm Hoa, Thiện Hòa... đã tận tâm giúp đỡ, nên quyển sách này sớm được hoàn thành.

Kính mong các bậc Tôn đức và đạo hữu mười phương niệm tình chỉ giáo. Thành kính tri ân vô lượng!

Thích Minh Thành kính ghi

THIÊN SƯ NGUYÊN HIỀN (1577–1657)

Thiền sư Nguyên Hiền, họ Thái, tự là Vĩnh Giác, người ở huyện Kiến Dương, tỉnh Phúc Kiến.

Thuở nhỏ, theo Nho học. Năm 20 tuổi đã được bổ làm Thái Học Sinh (người được học ở trường lớn nhất kinh thành, chuyên truyền trao kinh điển của nhà Nho). Năm 25 tuổi, Sư nghe vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: “Khi ấy, Ta hiện thân thanh tịnh sáng suốt...”, liền rất vui

mừng, khen rằng: “Ngoài cái học của Chu, Khổng, quả thật còn có một việc lớn khác!”. Từ đó, Sư đề tâm nơi giáo lý và thông suốt tất cả kinh điển.

Về sau, khi gặp ngài Thọ Xương, Sư trình bày chỗ hiểu biết của mình rồi theo Ngài học tham thiền, đến năm 40 tuổi thì Sư xuất gia. Một hôm, từ chùa đi ra gặp ngài Thọ Xương từ ruộng trở về chùa, Sư liền hỏi: “Thế nào là thân thanh tịnh sáng suốt?”. Ngài Thọ Xương giữ áo đứng im. Sư hỏi: “Chỉ có cái này hay còn gì khác nữa chẳng?”. Thọ Xương phát áo bỏ đi. Sư đi theo vào phương trượng. Chưa kịp mở miệng, Thọ Xương cầm gậy đánh liên tục ba cái, bảo rằng: “Về sau chẳng được lơ là!”.

Năm sau, ngài Thọ Xương thị tịch. Sư y chỉ với ngài Bác Sơn Nguyên Lai và thọ giới Cụ túc. Chẳng bao lâu, Sư từ già trở về Phúc Kiến. Khi đi thuyền qua Diên Tân, chợt nghe một vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: “Chư Phật đều tăng hăng và khảy móng tay”, bèn thấu suốt tác dụng trước kia của ngài Thọ Xương. Liền nói kệ rằng:

*“Gà vàng mổ nát lưu ly biếc
Hoàn toàn ngại nghĩ chỉ tự hay
Nằm yên trên thuyền, trời đã sáng
Trước non mưa tạnh, tiếng chim kêu”.*

Lúc ấy, Sư đã 46 tuổi nhằm tháng 09 năm thứ 03 niên hiệu Thiên Khải (1623) đời nhà Minh. Sau đó, Sư về ở am Kim Tiên, đọc Đại tạng ba năm rồi ẩn tu nơi núi Hà.

Năm thứ 06 niên hiệu Sùng Trinh (1633), Sư yết kiến Thiền sư Văn Cốc Quảng Ân, học giới bổn của ngài Vân Thê. Năm sau trở về Côn Sơn, xiển dương rộng rãi Tông phong Tào Động. Sư lập thân hành đạo vững chắc như núi non, đức hạnh trong sạch tựa băng tuyết, bảo vệ đạo pháp, cứu độ nhân gian, phước tuệ vẹn toàn. Mọi người đều tôn xưng là “Cổ Phật trở lại”.

Mùng 07 tháng 10 năm thứ 14, niên hiệu Thuận Trị (1657) đời Thanh, Sư an nhiên thị tịch, hưởng thọ 80 tuổi. Đệ tử rất đông, nhưng chỉ riêng ngài Đạo Bái là người được pháp.

Thiền sư Nguyên Hiền có trước tác hơn mười loại: Lăng-Nghiêm Kinh Lược Sớ, Kim Cang Kinh Lược Sớ, Bát-Nhã Tâm Kinh Chỉ Chương, Tứ Phần Giới Bản Ước Nghĩa.

*(Theo Phật Học Đại Từ Điển
Phật Quang Đại Từ Điển
Ngũ Đăng Toàn Thư)*

LỜI TỰA

“Tịnh Từ” nghĩa là gì?

Là do tôi nghe lời dạy của Đại sư Văn Cốc để đặt tên am. Am đặt tên “Tịnh Từ”, nghĩa là niệm Phật, phóng sinh.

Niệm Phật, phóng sinh mong cầu việc gì? Mong cầu được trở về bản tâm vốn thanh tịnh, vốn từ bi của mình.

Bởi lẽ, bản tâm của chúng ta vốn thanh tịnh thường thanh tịnh, mà chúng sinh lại không rõ bản tánh ấy nên thường thấy vật ngoài tâm. Do đó, mắt bị hình sắc làm ô nhiễm, tai bị âm thanh làm ô nhiễm, mũi bị mùi hương làm ô nhiễm, lưỡi bị vị làm ô nhiễm, thân bị sự xúc chạm làm ô nhiễm, ý bị pháp trần làm ô nhiễm, trôi nổi ở bên ngoài không thể trở về. Từ đó, sinh khởi nghiệp chướng, gây ra tội lỗi, mãi đắm chìm trong thế giới uế trước nhỏ hẹp không có ngày giải thoát.

Đức Phật xót thương chúng sinh, nên vì họ nói pháp bỏ “nhiễm” trở về “tịnh”. Vì căn cơ của chúng sinh không đồng nhau, nên giáo pháp cũng có nhiều khác biệt, nhưng quan trọng và dễ thực hành nhất vẫn là pháp môn niệm Phật.

Nhất tâm niệm Phật dụng chí không phân tán, sáu căn đều thu nhiếp. Tịnh niệm tương tục thì mắt không bị hình sắc làm ô nhiễm, tai không bị âm thanh làm ô nhiễm, mũi không bị mùi hương làm ô nhiễm, lưỡi không bị vị làm ô nhiễm, thân không bị sự xúc chạm làm ô nhiễm, ý không bị pháp trần làm ô nhiễm.

Nếu làm được như vậy thì tuy đang sống ở trong cõi Ta-bà mà toàn thân đã ngồi nơi thế giới Liên Hoa. Vậy còn lo gì thân đời sau lại không thanh tịnh!

Tuy tu Niệm Phật Tam-muội nhưng phước đức không đầy đủ thì khó thành tựu quả lành, cần phải tu mọi việc lành để làm trợ nhân. Việc lành tuy rất nhiều, nhưng hạnh từ bi là đứng đầu; hạnh từ bi tuy nhiều, nhưng ngăn ngừa việc sát hại, thực hành phóng sinh là bậc nhất.

Bởi vì, điều yêu quý nhất của chúng sinh là sự sống, còn cái chết là điều chúng sinh đau khổ nhất. Cho nên, hễ có cùng một dòng máu đỏ thì tâm tánh đều như nhau. Chỉ vì tập quen với sự tàn nhẫn, rất khó thực hành lòng nhân từ đồng thể, nên mới thản nhiên giết hại mà không cảm thấy xót thương.

Lẽ nào tâm tánh lại vốn như thế hay sao?

Thế nên, đức Phật hết lời nhắc nhở, ban đầu răn việc sát sinh, khuyên bảo rộng rãi sự phóng sinh. Ban cho cái yêu quý nhất và cứu giúp nỗi đau khổ nhất của chúng sinh. Công đức ấy đối với muôn loài thật không sao tính kể!

Tại thành Kiến Châu, hoặc Tăng hoặc tục vâng theo lời Đại sư Văn Cốc dốc lòng niệm Phật, phóng sinh đã lâu. Nhưng mọi người còn ngại không thể mở rộng truyền xa nên mới bàn với tôi, tôi bèn đem những lời dạy chính yếu trong các sách Tịnh độ và giới sát chép lại thành quyển “Tịnh Từ Yêu Ngữ” này, giao cho họ khắc bản. Mong rằng lời nói giáo hóa về tâm thanh tịnh và lòng từ bi trải rộng đến vô cùng.

Ôi! Ý nghĩa của “Tịnh Từ” thật rộng lớn, đâu chỉ ở nơi việc niệm Phật, phóng sinh mà thôi.

Niệm Phật và phóng sinh có thể nói là “Tịnh Từ”, nhưng không thể cùng tận hết ý nghĩa của “Tịnh Từ”. Nói đến cùng thì thanh tịnh cùng cực, giác tánh tròn đầy, thành tựu đạo Vô Thượng, cũng không ra ngoài ý nghĩa của một chữ “Tịnh” này. Cứu độ khắp tất cả loài hữu tình, từ bi đến muôn kiếp cũng không ngoài ý nghĩa một chữ “Từ”.

Chư Bồ-tát lớn, trên mong cầu quả Phật, dưới hóa độ chúng sinh, từ trước cho đến sau tất cả các kinh điển Đại thừa cũng đều muốn làm sáng tỏ điều này, đến nỗi sách chất đầy nhà. Nay lấy hai chữ “Tịnh Từ” khái quát trọn vẹn ý nghĩa không còn dư thừa.

Chớ nên cho rằng Đại sư Văn Cốc đặt tên này chỉ có ý ở nơi niệm Phật, phóng sinh mà thôi. Các vị hãy khéo thể hội ý này mà suy rộng ra mới thấy được trọn vẹn ý của Ngài.

Tuy vậy, vẫn còn một câu mà hai chữ “Tịnh Từ” không bao quát được. Tôi muốn vì mọi người nói rõ ra, nhưng ngặt nỗi lưỡi tôi quá ngắn. Các vị nên chắt vắn nơi Đại sư!

Mùng 05 tháng 08 năm Giáp Tuất

Niên hiệu Sùng Trinh (1634)

Thích Nguyên Hiền kính ghi

QUYỀN THƯỢNG

Sa-môn Nguyên Hiền

ở chùa Dũng Tuyền, Cổ Sơn trước tác

1. NGUỒN GỐC GIÁO LÝ TỊNH ĐỘ

Thuở xưa, đức Phật xuất hiện ở đời chỉ vì một đại sự nhân duyên, nói ra rất nhiều giáo pháp để thích ứng với mọi căn cơ của chúng sinh, nhưng cũng chỉ để trừ bỏ tập nhiễm như uế, trở lại tâm vốn thanh tịnh của mình mà thôi. Vì chúng sinh có căn cơ chẳng đồng nhau, nên giáo pháp cũng có nhiều loại sai khác. Nhưng, muốn tìm một pháp tu trì dễ dàng nhất, vào đạo ổn thỏa nhất, thành công mau chóng nhất, không gì bằng pháp môn Tịnh độ.

Tịnh độ là gì?

Trong hư không bao la rộng lớn có vô số cõi nước, có cõi Tịnh, cõi uế. Chúng sinh có tâm tịnh thì sinh về cõi Tịnh, có tâm uế thì sinh về cõi uế. Nếu sinh về cõi uế thì nghiệp chướng mỗi ngày một sâu, khó thành tựu pháp lành; còn sinh về cõi Tịnh thì nghiệp chướng mỗi ngày một tiêu trừ, dễ thành tựu pháp lành. Thế nên, người học đạo cần phải chọn lựa con đường tu hành cho mình về cõi tịnh uế một cách cẩn thận. Ngay cả cõi Tịnh độ cũng còn có nhiều sai biệt, trong đó cõi thù thắng nhất là thế giới Cực Lạc Tây Phương.

Thế giới này do vô lượng nguyên lực, vô lượng công đức của Phật A-Di-Đà tạo nên. Vì vậy, công đức trang nghiêm vĩ đại của cõi này, những thế giới khác không sao sánh kịp.

Ở đây chỉ nói sơ lược về cõi nước đó, đại khái gồm có hai mươi thứ thù thắng:

1. Vàng ròng làm đất, bảy báu làm ao. Mạng lưới, hàng cây, lan can, lầu các đều do bảy loại báu làm thành.
2. Trong cõi nước không có nỗi khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.
3. Chúng sinh được sinh về đều hóa sinh từ hoa sen trong ao bảy báu.
4. Thân thể sắc vàng, đầy đủ ba mươi hai tướng hảo.
5. Nơi thân có ánh sáng che át cả mặt trời, mặt trăng.
6. Sống lâu vô lượng, mãi mãi không có nỗi khổ của già, bệnh, chết.
7. Y phục và thức ăn tùy ý tự nhiên hóa hiện.
8. Tận mắt thấy Phật, nghe thuyết Diệu pháp.
9. Cùng các bậc Thượng thiện nhân chung ở một nơi.
10. Không có lời nói dâm dục và nữ sắc
11. Không có hận thù đối nghịch.
12. Không có ma quân, ngoại đạo.
13. Không có hàng Nhị thừa, nếu có thì đều hồi tâm hướng về Đại thừa.
14. Gió thổi, nước reo, chim hót đều tuyên Diệu pháp.
15. Trăm ngàn Thiên nhạc ngày đêm thường tấu vang.
16. Thần thông đầy đủ.
17. Hay đến khắp thế giới trong mười phương cúng dường tất cả chư Phật chỉ trong thời gian một bữa ăn.
18. Chư Phật hộ niệm.
19. Vừa sinh về cõi nước kia liền vào bậc Bất thối chuyển.
20. Chỉ trong một đời được thành Phật.

Thế giới ấy có rất nhiều sự thù thắng, lợi ích như thế, cho nên chúng sinh cần phải có tâm cầu sinh về cõi nước ấy.

Người muốn cầu vãng sinh cõi nước Cực Lạc, chẳng phải do làm những việc lành khác mà được, chỉ cần chuyên tâm trì niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà thì được vãng sinh. Tại sao? Vì do sức đại nguyện của đức Phật ấy.

Thuở xưa, trong lúc còn tu đạo Bồ-tát, đức Phật A-Di-Đà đã phát bốn mươi tám đại nguyện để độ tất cả chúng sinh. Trong những lời phát nguyện ấy có một lời nguyện như vậy: “*Nếu có chúng sinh muốn sinh về cõi nước Tôi, xưng danh hiệu Tôi cho đến mười niệm. Nếu không được vãng sinh Tôi nguyện không ở ngôi Chánh Giác*”.

Do lời nguyện sâu rộng này, nên chúng sinh chỉ cần chuyên tâm trì niệm danh hiệu Phật nhất tâm không loạn, thì liền được vãng sinh. Người ấy lúc lâm chung, Phật A-Di-Đà phóng ánh sáng lớn cùng với chư Thánh chúng đến trước người ấy, đưa tay tiếp dẫn. Chỉ trong thời gian khảy móng tay là đã vãng sinh về cõi kia, ở trong hoa sen tươi đẹp. Khi hoa nở, người ấy được thấy Phật và được nghe Phật nói nhiều loại giáo pháp vi diệu. Nghe rồi, người ấy liền chứng ngộ được “lý không sinh không diệt”, từ đó thẳng tiến tu hành đến khi thành Phật.

Những điều đã nói trên được dẫn chứng từ nơi kinh luận và lời dạy của chư Tổ, nhất định chẳng có giả dối, do đó phải nên có lòng tin sâu chắc.

Nhưng trong những lời nói đó đều có Sự và Lý. Người tu không nên nghiêng lệch hay bác bỏ bên nào cả.

- Sao gọi là Sự? Tức là tất cả sự tướng nơi Tịnh độ đã nêu trên.

- Sao gọi là Lý? Nghĩa là thấu rõ tất cả sự tướng đó chẳng có vật gì nằm ngoài bản tâm.

Tuy nói Tịnh độ tại tâm mà chẳng ngại có thế giới Cực Lạc, vì thế giới kia đều do chính nơi tâm mình hiện bày.

Tuy nói bản tánh Di-Đà mà chẳng ngại có giáo chủ cõi Cực Lạc, bởi vì giáo chủ đó cũng chính từ nơi bản tánh mà thành tựu.

Tuy lặng lẽ vô sinh mà chẳng ngại rõ ràng có vãng sinh, là vì vãng sinh vốn chính là vô sinh.

Bậc cao minh phần nhiều ưa bàn về Lý, mà thường chê cười việc tu hành trên sự tướng.

Hàng Trung Hạ phần nhiều chấp vào việc tu hành trên sự tướng, mê mờ nơi Lý chân thật. Tất cả hoàn toàn đều chẳng biết không có Lý ngoài Sự, Sự chính ở ngay trong Lý. Chấp Lý bỏ Sự lại rơi vào tai họa “chấp Không”.

Chấp Sự mà không rõ Lý vẫn có lợi ích được vãng sinh. Như thế, lẽ nào lại ưa chuộng bàn suông về “Không” mà chịu tai họa thật sự hay sao!

2. CHÁNH TÍN NIỆM PHẬT

Tu pháp môn này ban đầu cần phải có chánh tín. Chư Phật, chư đại Bồ-tát trong ba đời, cho đến các bậc Tổ sư đều phải có lòng tin này trước tiên, rồi sau đó mới vào được đạo.

Nếu không có lòng tin này thì người tu sẽ do dự không quyết định, chỉ tin suông không chân thật.

Chẳng luận là người không tu tập hay có tu tập mà lúc tin lúc không, khi thực hành khi bỏ phế, không có năng lực mạnh mẽ, không có ý chí quyết liệt, thì làm sao có thể thành tựu được công đức hiếm có này?

Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Lòng tin là gốc của đạo, là mẹ của công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành. Lòng tin hay vượt ra khỏi các đường ma. Lòng tin hay được vào trong Chánh định”*.

Sao gọi là lòng tin? Nghĩa là tỏ ngộ nguồn chơn, tin sâu Thật tướng. Nếu chưa được như thế thì nên tin chắc lời Phật.

Kinh A-Di-Đà nói: *“Chư Phật trong sáu phương đều hiện tướng lưới rộng dài khuyên bảo nên tin kinh này”*. Bởi vì phàm phu chúng ta tâm thức mê muội thấp kém, bị ràng buộc nơi thói quen cạn hẹp mà chẳng biết được chỗ rộng lớn xa xôi, cảnh giới sâu kín nhiệm mầu, vừa thấy việc khác thường liền nghi ngờ, không dám tin. Phàm phu chúng ta chỉ nên tin theo lời Phật. Đức Phật từ lòng đại từ, đại bi, đại trí tuệ mà nói lời thành thật, hoàn toàn không giả dối. Lời Phật không tin thì lời ai mới đáng tin?

Việc tin lời Phật, gồm có hai phần:

1. Tin về Lý.
2. Tin về Sự.

- Tin về Lý: là tin tâm ta tức là Tịnh độ, tánh ta tức là Di-Đà.

- Tin về Sự: là tin phương Tây quả thật có Tịnh độ, phương Tây quả thật có Phật Di-Đà.

Tuy nói Lý riêng biệt, mà thật ra trong Lý đó đều có Sự, như biển cả hay hiện bóng vạn vật. Tuy chỉ nói về Sự, mà tất cả Sự đều nằm trong Lý, như bóng vạn vật chẳng rời biển cả.

Sự Lý tuy một, mà cũng là hai; đồng thời chẳng phải một cũng chẳng phải hai. Tin hiểu như thế gọi là chánh tín.

Nếu chỉ tin Lý mà không tin Sự hay tin Sự mà không tin Lý, như thế gọi là lòng tin nghiêng lệch không phải chánh tín. Người tu hành chưa được chánh tín cần phải hỏi rộng các bậc đi trước, nghiên cứu rộng rãi kinh luận thì mọi nghi ngờ tự nhiên tan biến, chánh tín tự nhiên hiện bày. Như thế mới có thể khởi đại nguyện, tự sách tấn, phát đại hạnh tiến thẳng đến giác ngộ, không đợi đời sau.

Có một số người tư chất cao siêu, vừa xem kinh luận có chút hiểu biết, liền bảo rằng tôi được chánh tín, nhưng rồi bị thói quen lôi kéo té nhào, chẳng thể chuyển dời một bước.

Chẳng biết đó chỉ là cái hiểu bên ngoài, không phải là chánh tín. Nếu biết rằng cọp hay vồ người, lẽ nào lại dám khinh thường chạm đến. Nếu hiểu được lông loài chim Chấm có chất độc hại người thì lẽ nào dám nếm. Ngày nay, cam chịu tai họa Cọp vồ, Chấm độc mà không biết hồi hận, thì làm sao có lòng tin?

Nếu là bậc trượng phu thông đạt, xin từ đây trở về sau, nên buông bỏ cái nhìn sai lầm trước kia!

3. CHÁNH HẠNH NIỆM PHẬT

Người tu Tịnh nghiệp khi đã đủ chánh tín thì nên tu chánh hạnh. Chánh hạnh nghĩa là gì? Chính là niệm Phật.

Pháp niệm Phật trong kinh nêu ra nhiều môn. Ngày xưa, các Sư phân nhiều chuộng hai môn Quán tưởng và Trì danh.

Nếu tâm thô thiên, hiểu biết nông cạn thì không thể thọ trì môn Quán tưởng. Chỉ có môn Trì danh là đơn giản dễ dàng, ba căn cơ Thượng, Trung, Hạ đều được lợi ích. Vì thế, mới khuyến khích mọi người nên thực hành pháp Trì danh. Kinh Di-Đà nói: “*Chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, cho đến bảy ngày nhất tâm không loạn...*” chính là nói về pháp này.

Pháp Trì danh có Lý và có Sự.

Lý trì: là đem ngay bốn chữ “A-Di-Đà Phật” làm thoai đầu, giữ vững danh hiệu Phật trong suốt hai mươi bốn giờ. Chẳng dùng tâm chấp có đề niệm, chẳng dùng tâm chấp không đề niệm; cũng chẳng dùng tâm chẳng chấp cả hai bên đề niệm. Chấm dứt bờ mé trước sau, một niệm không sinh, chẳng trải qua thứ bậc vượt lên địa vị Phật.

Sự trì: là chỉ chuyên tâm nắm chặt một câu A-Di-Đà Phật như dựa vào núi Tu-di, lay không động. Sáng sớm cũng niệm như thế, tối cũng niệm như thế, đi cũng niệm như thế, ngồi cũng niệm như thế, trong giao tiếp hằng ngày cũng niệm như thế, dù gặp cảnh thuận nghịch cũng niệm như thế. Tịnh niệm liên tục, tự nhiên tâm được khai ngộ, so với Lý trì không hề khác biệt.

Nếu tâm chưa được khai ngộ, lúc lâm chung nhất định cũng được vãng sinh vào hàng Thượng phẩm ở cõi Cực Lạc.

Nếu như sức mạnh chưa đủ, công phu chưa thuần, cần phải tùy sức mình tu tập, hoặc sớm tối lễ niệm, hoặc mỗi sáng mười niệm, tích lũy công đức, dần dần vun bồi quả lành. Điều cốt yếu là tín nguyện vững chắc, lúc lâm chung chắc chắn được vãng sinh, nhưng chỉ là phẩm vị tương đối thấp, thấy Phật trễ. Nhưng, cũng như người thi đậu tên đứng cuối bảng thì cũng đâu phải việc xấu.

4. TU THÊM NHỮNG VIỆC PHƯỚC

Người tu Tịnh nghiệp chuyên niệm Phật A-Di-Đà, cần phải tu mọi việc phước để trợ giúp thêm. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: *“Người muốn vãng sinh Cực Lạc phải tu ba việc phước: một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ bi không sát hại, tu mười việc lành. Hai là thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn người tu hành. Ba việc này là nhân chân chính, là nghiệp thanh tịnh của chư Phật ba đời”*.

Có một đệ tử tu Tịnh nghiệp, hỏi Đại sư Từ Chiếu rằng:

- Đệ tử chuyên tu Niệm Phật Tam-muội. Vậy có thể thực hành thêm bố thí, trì giới, cúng dường làm phước hay chăng?

Ngài Từ Chiếu đáp:

- Ông chuyên niệm Phật A-Di-Đà, nếu không trì giới thì có tội hủy phạm; nếu không bố thí thì tăng thêm nghiệp tham lam keo kiệt; nếu không cúng dường Tam Bảo thì có nghiệp ngã mạn; nếu không cung kính tất cả thì có tội khinh thường người. Do đó, hủy phạm thì rơi vào địa ngục, xan tham keo kiệt rơi vào nga quý, ngã mạn thì thường ở trong đường ác, khinh thường người đời đời nghèo hèn. Người bị những nghiệp ác như thế che ngăn, mà muốn sinh về Tịnh độ, có được hay chẳng? Cho nên Pháp sư Tăng Triệu nói: *“Hữu vi tuy giả dối nhưng nếu bỏ thì khó thành tựu Phật đạo. Vô vi tuy chân thật nhưng nếu chấp vào thì trí tuệ không được tỏ sáng”*.

Nay các ông tu Niệm Phật Tam-muội cầu sinh Tịnh độ, mau thành tựu quả vị Phật, nên lấy việc chuyên niệm Phật làm chánh hạnh và tu thêm mọi phước đức khác. Sớm tối thường siêng năng cúng dường Tam Bảo, lễ bái sám hối, bố thí, trì giới, làm trong sạch thân miệng ý và tu thêm các việc thanh tịnh. Tất cả căn lành tu hành được đều hướng về Tịnh độ, thành tựu công đức niệm Phật. Như thế, có thể gọi là “đi thuyền nước xuôi, lại thêm đôi chèo tốt”.

5. CHÁNH NGUYỆN NIỆM PHẬT

Đại sư Từ Chiếu nói: *“Có hạnh mà không nguyện, hạnh ấy ắt trở trôi; có nguyện mà không hạnh thì chỉ nguyện suông. Nguyện hạnh trợ nhau mới lên được Bảo địa”*.

Hiện nay, thường thấy người vì bệnh khổ mà phát tâm niệm Phật, hoặc vì đền đáp ân của người thân mà khởi niệm, hoặc vì gia đình bình an, hoặc vì tăng thêm tuổi thọ mà niệm Phật. Nguyện đã không chân chính thì chỉ chuốc lấy quả giả dối. Dù cho có tu tập cả đời, nhưng đều là dụng công phu sai lầm. Lúc mạng chung đâu thể được vãng sinh, vì khi sinh tiền họ đâu có ước nguyện. Vì thế cho nên, người niệm Phật phải phát nguyện chân chính.

Chánh nguyện là chẳng nguyện được hưởng phước báo nơi cõi trời người, chẳng nguyện được quả vị nhỏ hàng Nhị thừa, chẳng phải nguyện chỉ riêng ta được vãng sinh Tịnh độ, được chứng ngộ Bồ-đề, mà chính là nguyện cho tất cả chúng sinh đều được vãng sinh Tịnh độ, chứng ngộ Bồ-đề.

Nguyện này vừa phát khởi, liền có thể đầy đủ vô lượng công đức, có thể tiêu trừ vô lượng nghiệp như, có thể phá nát vô lượng lưới ma, mãi mãi làm hạt giống chân thật để thành Phật. Đây chính là tâm Bồ-đề.

Người tu hành phải phát nguyện mỗi ngày như thế, mỗi giờ phát nguyện như thế. Nguyện lực vững chắc không thay đổi thì tất cả muôn việc lành đều trở thành hạnh vi diệu giác ngộ, làm chánh nhân cho Tịnh độ. Như vậy lo gì không được vãng sinh!

6. CHÁNH NIỆM LÚC LÂM CHUNG

Tuy công phu Tịnh nghiệp được tích lũy hàng ngày, nhưng lúc lâm chung một niệm sau cùng rất quan trọng. Chỉ do một niệm này mà sinh vào cõi Tịnh hay uế, đi vào đường Thánh, nẻo phàm.

Thường thấy người niệm Phật, lúc bình thường đều nói cầu sinh Tịnh độ, nhưng đến khi lâm chung phần nhiều không có được chánh niệm. Hoặc tham sống sợ chết, quyến luyến túi da này; hoặc khó chịu nỗi sự phân ly khi nhìn thấy vợ con than khóc; hoặc bị tài sản ràng buộc không buông bỏ được; hoặc do cảnh không thuận ôm hận mà chết; hoặc vì bị bệnh khổ bức bách đau đớn mà qua đời. Vì đã mất chánh niệm, nên đành phải theo luân hồi đọa lạc.

* Hoặc có người tự nghi ngờ mình cả đời nghiệp nặng, nên không có phần ở cõi Tây Phương.

* Hoặc có người tự nghi ngờ mình niệm Phật quá ít, nên không dám mong được vãng sinh Tây Phương.

* Hoặc có người tự nghi ngờ mình còn nợ nần chưa trả xong, tâm nguyện chưa tròn, tham sân chưa dứt khó mà vãng sinh Cực Lạc.

* Hoặc có người tự nghi ngờ mình tuy có niệm Phật, nhưng vẫn ngại Phật không đến rước.

Bốn việc này đều do họ tự phát sinh nghi ngờ làm chướng ngại mất chánh niệm.

* Hơn nữa, lại có người thường ngày niệm Phật siêng năng, bỗng bị bệnh khổ, nằm liệt trên giường đau đớn không chịu nổi. Đó là do nghiệp cũ sâu nặng của đời trước, đáng lẽ phải rơi vào đường ác, nhưng do sức

niệm Phật nên chuyển nặng thành nhẹ, cần phải chịu đựng, càng thêm

vào sức mạnh của Chuyển Luân Vương, trong một ngày đi khắp tứ thiên hạ”.

Nay đem mười điều khó ở cõi Ta-bà để so sánh với mười điều dễ ở Tịnh độ:

1. Ta-bà không thường gặp Phật. Phật Thích-Ca đã diệt độ, tà pháp mạnh mẽ; Cực Lạc thì Phật thường chẳng diệt, hiện đang làm giáo chủ.

2. Ta-bà mạt pháp nhiều nhưng, có nhiều ngoại đạo, dù bàn Phật pháp nhưng đa số nghiêng lệch sai lầm; Cực Lạc thì Phật và Bồ-tát, nước, chim, cây rừng thường tuyên thuyết Diệu pháp.

3. Ta-bà bạn bè tà ác, mong cầu lợi dưỡng, làm mê lầm người tu hành đọa vào ba đường ác; Cực Lạc thì Quán Âm, Thế Chí làm bạn thù thắng, các bậc Thượng thiện nhân ở chung một nơi.

4. Ta-bà có các loài ma não loạn, phá hoại chánh pháp; Cực Lạc tuy có Thiên ma nhưng đều hộ trì chánh pháp, giúp người tu hành mau được thành tựu.

5. Ta-bà luân hồi trong sáu nẻo, như bánh xe xoay vòng không có ngày dừng nghỉ; Cực Lạc thì hoa sen hóa sinh, không còn luân chuyển trong đường sinh tử khổ đau.

6. Ta-bà qua lại ba cõi theo nghiệp chịu quả b(n)-6. ()-6. 17 18 19 (a)4(-)-0

10. Ta-bà người tu hành trải qua muôn kiếp khó thành, như các vị đồ đệ nghe pháp trong thời Phật Đại Thông, thối chuyển Đại thừa chấp vào Tiểu thừa, trải qua vô số kiếp còn ở bậc Thanh văn; Cực Lạc thì chỉ một đời này thường theo Phật học, tiến thẳng đến đạo tràng, thành tựu đạo giác ngộ Vô Thượng.

Mười điều khó và dễ nói trên đây, thật cách xa nhau như trời với vực. Nếu cậy vào sức mình thì chỉ luống uổng tự nhọc nhằn. Nhưng nếu nương nhờ vào duyên thù thắng thì được sự lợi ích cao rộng.

Người tu hành nên chọn lựa!

8. GIẢI NGHĨ TỊNH ĐỘ

Hỏi: *Chư Phật, Bồ-tát lấy tâm đại bi làm sự nghiệp, đáng lẽ phải ở cõi xấu ác để cứu khổ chúng sinh. Tại sao lại nguyện sinh về Tịnh độ, chỉ vì lợi ích của riêng mình?*

Đáp: Các Ngài nguyện sinh về Tịnh độ đâu chỉ vì lợi ích cho riêng mình, bởi lẽ không sinh về đó thì khó mà cứu khổ chúng sinh. Trong kinh nói: “*Bồ-tát đã được Vô sinh pháp nhẫn (thấu rõ lý không sinh không diệt) mới được cho phép vào cõi thế tục hóa độ chúng sinh. Nếu chưa được vậy phải thường không rời Phật*”. Bởi vì tập khí mê lầm chưa dứt, nhân lực chưa đầy đủ, nếu gặp duyên ác thì chắc chắn bị trở ngại việc tiến tu, tự cứu mình còn khó khăn huống gì cứu giúp kẻ khác?

Nếu ở nơi thế giới xấu ác này lại muốn cứu độ người khác, giống như chiếc thuyền không toàn vẹn, không chắc chắn mà muốn đưa nhiều người qua biển, thì mình người đều sẽ chìm đắm. Thế nên, luận Đại Trí Độ nói: “*Kẻ phàm phu đủ mọi sự ràng buộc mà có lòng đại bi nguyện sinh vào thế giới xấu ác cứu độ chúng sinh, thật không có điều đó*”.

Luận Vãng Sinh nói: “*Người muốn dạo chơi nơi địa ngục, phải vãng sinh Cực Lạc được Vô sinh nhẫn, rồi mới trở lại trong sinh tử giáo hóa những chúng sinh chịu khổ nơi địa ngục*”.

Hỏi: *Người tỏ ngộ trong Tông môn không trải qua thứ bậc vượt lên địa vị Phật, cần gì nguyện sinh về Tịnh độ?*

Đáp: Ông bảo rằng người tỏ ngộ thì tập khí mê làm dứt hẳn, nhanh chóng đồng với chư Phật sao? Hay là tập khí mê làm còn thì vẫn phải nhờ tiệm tu?

Nếu tập khí mê làm còn, cần phải cầu sinh về Tịnh độ, nhờ duyên thù thắng ở cõi đó lần lần gạn lọc. Nếu cứ lưu chuyển trong cõi đời Ngũ trược với sự giải ngộ cạn cợt, qua đời sau liền mờ mịt, như thế làm sao bảo đảm không lui sụt! Như các ngài Thừa Thiên Giải, Chân Như Triết, Hải Ấn Tín... thuở xưa đều là những bậc minh triết trong Tông môn mà không có chút tự chủ đối với việc sinh tử. Thế thì những người khác cũng có thể biết được. Huống gì như Đồng tử Thiện Tài là hàng căn cơ viên đốn còn nguyện sinh Cực Lạc; Bồ-tát Long Thọ là Tổ được truyền y còn nhận lời thọ ký vãng sinh Tịnh độ. Sự tỏ ngộ của ông có thể ngang bằng Thiện Tài và Long Thọ hay chăng?

Giả sử, bảo rằng có thể ngang bằng với các Ngài thì ngại gì chẳng cùng sinh về Tịnh độ. Nếu chưa được vậy, đâu thể chậm trễ đối với việc vãng sinh?

Hỏi: *“Tâm vốn là niệm, pháp vốn không sinh”. Nay dạy người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ là tại sao?*

Đáp: “Cho niệm là niệm, cho sinh là sinh” là sự sai lầm của chấp thường.

“Cho vô niệm là vô niệm, cho vô sinh là vô sinh” là mê lầm của tà kiến.

“Niệm mà vô niệm, sinh mà không sinh” là chân lý Đệ nhất nghĩa.

Thế nên, chỗ lý chân thật chẳng nhận mảy trần, thì không có chư Phật để niệm, không có Tịnh độ để sinh.

Trong cửa Phật, Sự không bỏ một pháp thì đều thâm nhiếp được các căn. Bởi có phương pháp chính yếu “trở về nguồn”, đó là mở ra một môn vãng sinh Niệm Phật Tam-muội.

Vì thế, trọn ngày niệm Phật mà không trái với vô niệm; rõ ràng vãng sinh mà chẳng trái ngược vô sinh. Tuy nói phạm Thánh đều ở nơi vị trí của chính mình, nhưng đạo cảm ứng qua lại; Đông Tây không đến đi, mà tinh thần vượt lên cõi Tịnh. Điều này không thể vãn nạn được!

Hỏi: Chúng sinh có thể niệm danh hiệu của các đức Phật khác, có thể cầu sinh về các cõi Tịnh độ khác. Cần gì riêng niệm Phật A-Di-Đà cầu sinh về Cực Lạc?

Đáp: Ở đây có sáu ý nghĩa:

* Một là vì tâm chúng sinh phần nhiều vẫn đục tán loạn, niệm khắp cả chư Phật khó thành tựu Tam-muội, nên chỉ chuyên niệm một đức Phật cầu sinh một cõi nước, khiến cho tâm ý buộc vào một cảnh thì dễ được vắng sinh.

* Hai là vì đại nguyện từ bi của Phật A-Di-Đà vô tận, tiếp dẫn những chúng sinh niệm Phật, cho đến mười niệm cũng được vắng sinh. Còn các đức Phật khác không có điều đó.

* Ba là vì Cực Lạc công đức trang nghiêm đủ mọi thù thắng, khác với những cõi Tịnh độ khác. Chúng sinh được sinh về dễ tiến đạo hơn.

* Bốn là vì phàm phu không trí tuệ, nên y theo lời Phật. Cõi Cực Lạc Tịnh độ này đã được đức Phật Thích-Ca khẳng định và lặp đi lặp lại khắp trong các kinh điển. Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng thầy đều khen ngợi.

* Năm là nếu những chúng sinh nào không có duyên với Phật thì Phật không thể độ. Còn chúng sinh ở cõi này, chẳng luận già trẻ, sang hèn đều biết có Phật A-Di-Đà, bất chợt thốt ra đều niệm một câu A-Di-Đà Phật. Thế nên biết, chúng sinh ở cõi này có nhân duyên lớn với Phật A-Di-Đà.

* Sáu là vì thể tánh của chư Phật đồng nhau. Một là tất cả, tất cả là một; niệm một đức Phật tức là niệm chung tất cả Phật.

Do có sáu ý nghĩa trên, nên chỉ chuyên tâm về Cực Lạc, thì sự lợi ích thật vô cùng to lớn!

Hỏi: Phân chia Tịnh độ, uế độ; bỏ uế lấy Tịnh đều thuộc vọng tưởng, đâu đáng gọi là chân tu?

Đáp: Đó chẳng phải sự lấy bỏ trong vọng tưởng của thế gian, mà chính là phương pháp chung của chư Như Lai trong mười phương để chuyển phàm thành Thánh.

Nếu chẳng chán nản rời bỏ, làm sao chuyển phàm? Nếu chẳng ưa thích chọn lấy, làm sao thành Thánh? Từ phàm phu trở lên, mỗi địa vị đều có sự lấy bỏ, mãi đến bậc Diệu Giác mới hết lấy bỏ. Thế nên, bậc cao đức thuở xưa nói: “*Chỗ tốt cùng của lấy bỏ và không lấy bỏ chẳng khác nhau*”. Như thế, sao có thể gọi là chẳng phải chân tu?

Vả lại, nên biết chân tục không hai, lặng lẽ, tác dụng vô ngại, thì trọn ngày lấy bỏ mà chẳng thấy có tướng lấy bỏ.

Ngài Tịnh Danh nói: “*Tuy biết pháp của chư Phật cùng chúng sinh rộng không mà thường tu Tịnh độ giáo hóa chúng sinh*”, đó là nói về ý này.

Hỏi: *Tâm chính là Phật, thì quán xét ngay nơi tâm mình là được, cần gì niệm Phật nào khác?*

Đáp: Tâm mình cùng với chư Phật thật sự đồng một thể, thì quán xét tâm mình hay quán xét đức Phật khác chỉ tùy theo sự tiện lợi ở căn cơ. Lẽ nào lại chấp tâm mình là Phật, bảo rằng đức Phật khác ở ngoài tâm hay sao? Vả lại, niệm đức Phật khác là một phương tiện thù thắng của chư Phật, khiến cho được vãng sinh cõi nước kia, nhờ tha lực mau đến Bồ-đề.

Sự lợi ích ấy thật rất to lớn!

Hỏi: *Tịnh độ ở nơi tâm, cần gì cầu sinh Cực Lạc?*

Đáp: Ông nói Tịnh độ ở nơi tâm là đã chấp vào cái tâm nhỏ bé này làm Tịnh độ, mà Cực Lạc thì xa xôi ở ngoài mười muôn ức cõi. Như thế, hoàn toàn chẳng biết ý chỉ của Duy tâm.

Bảo rằng, Duy tâm nghĩa là tâm bao trùm hư không, lượng khắp pháp giới. Tùy tâm thanh tịnh thì biểu hiện cõi thanh tịnh; tâm uế trược thì biểu hiện cõi uế trược. Thế nên biết, người vãng sinh Cực Lạc chính bởi tâm thanh tịnh nên biểu hiện thanh tịnh, lẽ nào lại ở ngoài tâm?

Nếu tâm bị hạn cuộc nơi nhỏ bé rồi cho đó là Tịnh độ, thì chẳng những Cực Lạc không ở trong tâm mà Ta-bà cũng chẳng ở trong tâm; không chỉ Cực Lạc chẳng nên vãng sinh, mà Ta-bà cũng chẳng nên sinh vào.

Vả lại, nay hỏi ông đời sau quả thật có sinh hay chẳng? Quả thật không sinh hay chẳng?

Nếu như nói rằng có sinh thì đem cái gì sinh, rồi sau đó mới thành Duy tâm?

Nếu như nói rằng không sinh, đã rơi vào kiến chấp đoạn diệt. Đó là cái thấy của ngoại đạo, lý luận của ma Ba Tuần.

Có người bảo rằng: “Ta chỉ tự thanh tịnh tâm mình thì tự nhiên vãng sinh Tịnh độ, cần gì niệm Phật cầu vãng sinh?”.

Đáp rằng: Đã không niệm Phật thì không có nhân duyên Tịnh độ. Chỉ muốn ở nơi thế giới uế trước này tự thanh tịnh tâm mình, đây là điều Bồ-tát Long Thọ gọi là “khó hành đạo”. Bởi vì cõi này cảnh duyên uế trước tạp loạn, nhiều chướng ngại đối với sự tu hành, bảy người tiến tám người lùi, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua số kiếp nhiều như cát bụi vẫn còn vướng mắc trong sinh tử. Cần phải đoạn hết Kiến hoặc và Tư hoặc mới ra khỏi ba cõi, chứng đắc đến Thất trụ (*Bát thối trụ: đạo tâm tăng trưởng không còn lui sụt*) mới gọi là Bất thối, mà còn chưa có phần vãng sinh Tịnh độ, sao lại nói là “tâm tịnh thì cõi tịnh?”. Như thế không phải là rất khó khăn hay sao?

Hỏi: *Kẻ phàm phu chịu đủ mọi ràng buộc, tuy có niệm Phật mà tham sân chưa dứt, tâm thật sự chẳng được thanh tịnh thì làm sao vãng sinh?*

Đáp: Đó là nhờ vào nguyện lực của Phật A-Di-Đà thâm nhận. Kinh Na-Tiên nói: “*Ví như có người muốn chuyên chở cả ngàn khối đá lớn qua biển cả, đều nhờ sức mạnh của thuyền nên đến được bờ bên kia*”.

Tội lỗi của chúng sinh cũng như tảng đá to lớn, nguyện lực của Phật A-Di-Đà giống như chiếc thuyền, nên mới có thể vượt qua biển sinh tử. Tội vốn phải đọa nhưng nhờ nương Phật lực mà được vãng sinh.

Hơn nữa, người còn mang nghiệp được vãng sinh, lúc sắp mạng chung cần phải giữ chánh niệm vững chắc. Một niệm từ tâm thanh tịnh này còn nhanh chóng hiện ra cõi Tịnh, huống gì có công phu niệm Phật hằng ngày!

Hỏi: *Những người tạo năm tội nghịch, mười nghiệp ác, chỉ niệm mười câu Phật được vãng sinh, điều này thật khó tin?*

Đáp: Nói chung, một niệm lúc lâm chung rất quan trọng. Trong kinh nói: “*Có người đàn bà qua sông, lỡ tay làm rơi đứa con xuống nước, vì lo cứu vớt con nên bị nước cuốn chết đuối. Do có một niệm lành thương con nên được sinh lên cõi Trời*”.

* Hai là ở nơi duyên: nghĩa là tâm si mê hư vọng tạo tội, do duyên theo cảnh giới giả dối điên đảo mà phát sinh; tâm niệm Phật là do nghe danh hiệu và công đức chân thật thanh tịnh của Phật, duyên nơi tâm giác ngộ vô thượng mà phát sinh.

Một bên thật, một bên giả, đâu thể so sánh với nhau được. Ví như có người bị trúng tên độc, mũi tên cắm sâu, chất độc ngấm vào tổn hại da thịt, nhưng một khi nghe âm thanh của tiếng trống được thoa thuốc giải độc thì mũi tên bị đẩy ra, chất độc được giải trừ.

* Ba là ở nơi sự quyết định: nghĩa là lúc tạo tội do có tâm gián đoạn và tâm hối hận về sau, còn khi niệm Phật không có hai tâm đó, nên lúc xả bỏ sinh mạng do tâm lành mạnh mẽ liền được vãng sinh. Ví như sợi dây rất to, cả ngàn người bứt không đứt, nhưng đứa bé chỉ cần vung gươm bén mà chém thì trong khoảnh khắc liền đứt thành hai đoạn.

Ba sự lường xét trên, hoàn toàn nhìn từ khía cạnh tâm hay niệm mà bàn luận. Có thể thấy rõ ràng tự tâm vốn đã có đầy đủ sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn và ý nghĩa diệt trừ tội lỗi.

Huống chi danh hiệu được niệm chính là Phật A-Di-Đà, bậc thành tựu muôn vàn đức hạnh. Do đại nguyện nhiếp trì, công năng ấy đâu thể nghĩ bàn cho được. Ví như có người lấy gân Sư tử để làm dây đàn, một khi khảy đàn thì tất cả dây đàn khác đồng thời đứt đoạn. Lại như có người lấy các loại sữa trâu, dê, lừa, ngựa đổ vào thùng rồi cho vào một giọt sữa Sư tử, tất cả loại sữa khác đều trở thành nước.

Nay vừa xưng danh hiệu Phật, lẽ nào tội nặng của sự sinh tử trong tám mươi ức kiếp lại không tiêu diệt?

Hỏi: *Còn mang nghiệp được vãng sinh, điều đó tôi có thể tin. Nhưng vì sao lại được không thối chuyển?*

Đáp: Điều này có năm nhân duyên khiến người vãng sinh được không thối chuyển:

1. Do nguyện lực của Phật A-Di-Đà thường thâm nhiếp giữ gìn.
2. Do ánh sáng của Phật luôn soi chiếu, tâm Bồ-đề thường tăng trưởng.

3. Nước, chim, cây rừng, gió reo, nhạc tấu đều thuyết giáo nghĩa khổ, không. Người nghe những pháp ấy thường khởi lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

4. Cõi nước Cực Lạc toàn là bậc Bồ-tát làm bạn lành, không có cảnh duyên xấu ác, không có quỷ thần, tà ma. Các thứ phiền não Tam độc... hoàn toàn không sinh khởi.

5. Do sống lâu mãi mãi, đồng với chư Phật, Bồ-tát.

Hỏi: *Người đời đều nghi ngờ cõi Cực Lạc ở xa ngoài mười muôn ức cõi nước, lúc sắp lâm chung chỉ trong khoảnh khắc e khó đến được. Làm sao hiểu được điều này?*

Đáp: Trong kinh không nói sao! Tâm bao trùm hư không, lượng trùm khắp pháp giới thì mười muôn ức cõi nước chỉ ở trong tâm ta, nào có xa xôi gì? Khoảnh khắc mạng chung sinh trong tâm ta, nào có khó khăn gì?

Vả lại, gọi mười muôn ức cõi nước là đối với cái nhìn của phàm phu, tâm lượng trong sinh tử mà nói. Nếu chúng sinh thành tựu Tịnh nghiệp, lúc lâm chung tâm an định tức là tâm thọ sinh Tịnh độ, vừa khởi niệm liền được vãng sinh. Thế nên, Tỳ Kheo Lục nói: “Mười muôn ức cõi nước chỉ trong khoảnh khắc liền đến, vì tự tâm vốn diệu huyền vậy!”.

Hỏi: *Lúc lâm chung niệm mười câu danh hiệu Phật đã có thể vãng sinh, thế thì chúng tôi cứ lo những việc khác, chỉ chờ lúc lâm chung niệm mười câu. Điều đó thế nào?*

Đáp: Mười niệm được vãng sinh là điều trong muôn người chỉ được một. Ông muốn cầu may ở nơi muôn một hay sao?

Người lúc lâm chung thành tựu mười niệm, phần nhiều do nghiệp lành đời trước mạnh mẽ nên mới cảm được lúc sắp mất gặp bậc Thiện tri thức dạy bảo mà thành tựu mười niệm. Nếu không do nghiệp lành chiêu cảm thì bậc Thiện tri thức còn khó được gặp, huống gì thành tựu mười niệm!

Vả lại, luận Quán Nghi nêu ra mười loại người lúc lâm chung không niệm Phật được:

* Một là chưa hẳn được gặp bạn lành, nên không ai khuyên niệm.

- * Hai là nghiệp khổ trôi buộc thân, nên không an ổn niệm Phật.
- * Ba là do bệnh hoạn không nói được, nên chẳng thể niệm Phật.
- * Bốn là cuồng loạn mất trí, nên khó chú tâm tưởng niệm.
- * Năm là bị nạn lửa cháy, nước cuốn nên không thể chí thành niệm Phật.
- * Sáu là gặp phải cọp, sói làm hại, mà chẳng có bạn lành khuyên niệm Phật.
- * Bảy là lúc lâm chung gặp bạn ác hủy hoại lòng tin, nên không thể niệm Phật.
- * Tám là ăn uống quá độ, hôn mê đến chết nên chẳng thể niệm Phật.
- * Chín là giữa quân trận chiến đấu, bị trúng thương chết đột ngột nên không thể niệm Phật.
- * Mười là bị rơi từ trên núi cao xuống, mất đi tánh mạng, do hoảng loạn nên không thể niệm Phật.

Mười duyên xấu ác trên, nếu bỗng gặp phải một điều thì thôi rồi, làm sao có thể niệm Phật!

Giả sử không gặp phải mười duyên xấu ác trên, mà chỉ do bệnh nhẹ rồi chết, cũng chưa tránh khỏi thân thể tan rã, Tứ đại phân ly như con rùa bị lột mai đau khổ bức bách, lúc ấy có thể niệm Phật được chăng?

Hoặc duyên đời chưa xong, ý niệm thế gian chưa dứt, tham sống sợ chết, tâm loạn sợ hãi, khi ấy có thể niệm Phật được sao?

Hoặc là cha mẹ khóc lóc, vợ con kêu gào, quyến luyến khó chịu được, lo buồn đau lòng, khi ấy có thể niệm Phật được chăng?

Tại sao không suy xét đến điều này khi còn trẻ, mà phải đợi lúc lâm chung mới thành tựu mười niệm? Điều đó dường như tự mình đã sai lầm rồi!

Hỏi: *Niệm Phật là việc của đời sau, không biết đời hiện tại có lợi ích không?*

Đáp: Trong kinh có nói đầy đủ, người thọ trì danh hiệu Phật sẽ được mười điều lợi ích thù thắng:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư Thiên, Thần tướng đại lực cùng vô số quyền thuộc ẩn hình bảo hộ.
2. Thường được 25 vị đại Bồ-tát như ngài Quán Thế Âm... và tất cả chư vị Bồ-tát luôn theo bảo hộ.
3. Thường được chư Phật hộ niệm cả ngày đêm, Phật A-Di-Đà luôn phóng ánh sáng nhiếp thọ người này.
4. Tất cả ác quỷ đều không thể hại, tất cả rắn độc, rồng độc, thuốc độc đều không thể xâm phạm được.
5. Không bị những tai nạn nước lửa, giặc cướp, gươm đao, ngục tù, xiềng xích, chết đột ngột, điên cuồng mất mạng.
6. Những nghiệp đã làm trước kia thấy đều tiêu diệt. Những oan mạng đã bị giết chết ngày xưa đều được giải thoát, không còn theo báo oán.
7. Đêm nằm mộng an ổn vui vẻ, hoặc thấy sắc thân vi diệu thù thắng của Phật A-Di-Đà.
8. Tâm thường hoan hỷ, nhan sắc tươi sáng, khí lực mạnh mẽ, việc làm đều tốt lành lợi ích.
9. Thường được tất cả mọi người cung kính cúng dường, hoan hỷ lễ bái như kính Phật.
10. Lúc mạng chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, được thấy Phật A-Di-Đà và chư Thánh chúng cầm hoa sen vàng tiếp dẫn vãng sinh Tây Phương Tịnh độ, mãi mãi về sau được hưởng niềm vui vi diệu thù thắng.

Mười điều trên, ở ngay đời hiện tại cho đến kiếp tương lai đều có lợi ích thù thắng. Vì thế, pháp môn khẩn yếu của thế gian và xuất thế gian không gì bằng niệm Phật. Điều đó nên tin chắc như thế!

Hỏi: Thế giới Hoa Tạng là cảnh giáo hóa của Bốn Sư, tại sao không cầu sinh về Hoa Tạng mà cầu vãng sinh Cực Lạc?

Đáp: Trong Hoa Nghiêm Sớ có lời hỏi đáp, gồm bốn ý:

Một là do có duyên: nghĩa là đại nguyện của Phật A-Di-Đà phần nhiều chuyên về việc tiếp dẫn người ở cõi Ta-bà.

Hai là khiến cho tâm trở về nương tựa của chúng sinh được chuyên nhất: vì trong cõi Hoa Tạng có vô lượng thế giới ở khắp trong mười phương, tất cả đều tuyệt diệu, nên người mới phát tâm mờ mịt không biết nương tựa cõi nào. Do đó, phương tiện dẫn dắt họ chuyên chỉ về Cực Lạc.

Ba là vì chẳng ở ngoài Hoa Tạng: Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi, mà cõi Phật Hoa Tạng nhiều như số vi trần, nên biết không ở ngoài cõi Hoa Tạng.

Bốn là do Bốn Sư: biên cả thế giới Hoa Tạng đều là cõi của Phật Tỳ-Lô-Giá-Na, nên Cực Lạc tuy cách xa mười muôn ức cõi, nhưng vẫn nằm ở trong nơi đó. Lễ nào chẳng phải đức Bốn Sư tùy theo tên gọi mà có sự giáo hóa khác nhau sao?

Hỏi: Kinh nói: “Người sinh về trời Đâu-Suất, theo Bồ-tát Di-Lặc sinh xuống ba hội, tự nhiên được đạo quả”. Vậy cần gì phải bỏ Đâu-Suất gần mà cầu Cực Lạc nơi xa xôi?

Đáp: Ông cho rằng Đâu-Suất gần, Cực Lạc xa. Đó chỉ là dùng nhục nhãn và tâm lượng phàm phu mà nói thôi.

Cả ba cõi Ta-bà, Đâu-suất, Cực Lạc đều ở trong một tâm. Tâm không có sự phân biệt kia đây, sao bảo rằng Đâu-Suất gần còn Cực Lạc xa? Và lại, nếu so sánh giữa Đâu-Suất và Cực Lạc thì có mười sự hơn kém khác nhau:

1. Cực Lạc mười niệm có thể vãng sinh; ở Đâu-Suất cần phải tu các loại Tam-muội, vào sâu Chánh định, nên người khó được sinh lên.
2. Cực Lạc do nguyện lực đại bi của Phật A-Di-Đà thệ nguyện tiếp dẫn; ở Đâu-Suất thì Bồ-tát Di-Lặc không có thệ nguyện tiếp dẫn.
3. Cực Lạc do sức mạnh ánh sáng rộng lớn của Phật A-Di-Đà chiếu đến người tu hành (trong mười phương) thì thân tâm từ hòa, đến sinh trong cõi ấy; ở Đâu-Suất không có điều đó.

4. Phật A-Di-Đà thuyết pháp nhiều gấp mười lần các đức Phật khác, chúng sinh tùy theo chí nguyện đều vui thích, những pháp muốn nghe tự nhiên được nghe; ở Đâu-Suất không có điều đó.

5. Cõi Cực Lạc không có người nữ quấy rối chúng sinh; ở Đâu-Suất thì Thiên nữ vi diệu, chư Thiên đam mê không thể tự cố gắng tu hành.

6. Người sinh về Cực Lạc đều được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ thần thông; ở Đâu-Suất không có điều đó.

7. Người sinh về Cực Lạc tự nhiên hàng phục tiêu diệt được phiền não, liền lên bậc Bất thối chuyển; ở Đâu-Suất, Bồ-tát Di-Lặc tuy hàng ngày thuyết pháp Bất thối, giáo hóa chúng sinh, nhưng chưa hẳn lên được ngay bậc Bất thối chuyển.

8. Người sinh về Cực Lạc chỉ ngay trong đời này tiến thẳng đến đạo tràng, thành tựu đạo giác ngộ Vô Thượng; ở Đâu-Suất theo Phật hạ sinh chưa hẳn đều chứng quả Thánh, hưởng gì đạo giác ngộ Vô Thượng!

9. Người sinh về Cực Lạc được tuổi thọ vô lượng ngang bằng với Phật; ở Đâu-Suất không có điều đó.

10. Người sinh về Cực Lạc nếu muốn cúng dường chư Phật trong mười phương, thì các vật cúng dường tùy ý tự nhiên hiện ra trước mặt, trong khoảnh khắc đến khắp mười phương cúng dường chư Phật trong khoảng thời gian của một bữa ăn thì trở về cõi nước của mình; ở Đâu-Suất không có điều đó.

Mười loại công đức trên, so sánh sự hơn kém rõ ràng, nếu xét kỹ thì khác nhau vô lượng. Người tu hành nên ở nơi đây tự chọn lựa.

Hỏi: *Có người bảo rằng Tịnh độ là phương tiện quyền biến của Thánh nhân, chỉ dành tiếp dẫn hạng căn cơ chậm lụt, giáo hóa những kẻ tầm thường. Còn nếu là bậc có thể vượt thẳng vào đất Như Lai thì đâu cần nhờ vào tha lực?*

Đáp: Thuở xưa, Bồ-tát Văn-Thù do niệm Phật mà được Nhất thiết chủng trí; Thiện Tài còn phải dùng mười đại nguyện vương cầu vãng sinh Cực Lạc; Thế Chí do nhớ Phật niệm Phật mà được vào Chánh định; phụ vương Tịnh Phạn và sáu vạn người dòng họ Thích đều vãng sinh Tịnh độ. Như thế, có thể gọi các Ngài là hạng căn cơ chậm lụt hoặc

những kẻ tầm thường hay sao? Hơn nữa, đức Phật còn bảo ngài Di-Lặc: *“Thế giới này có 67 ức Bồ-tát Bất thoái chuyển vãng sinh Cực Lạc, mỗi Bồ-tát đã từng cúng dường vô số chư Phật. Chư Bồ-tát có đạo hạnh nhỏ và tu công đức ít thì không thể tính kể. Các vị này đều sẽ vãng sinh. Không chỉ cõi này như thế, mà cõi Phật ở phương khác như cõi Phật Viên Chiếu cũng có 180 ức Bồ-tát đều sẽ được vãng sinh. Những người vãng sinh ở vô lượng cõi Phật trong thế giới khắp mười phương không thể tính kể. Nếu Ta nói đầy đủ, dù trải qua một kiếp cũng chưa thể nói hết”*.

Như thế, có thể bảo rằng tất cả các vị ấy đều là hạng căn cơ chậm lụt, hay những kẻ tầm thường sao? Còn như cho rằng Tịnh độ là phương tiện quyền biến của Thánh nhân, thì đây chính là phương tiện quyền biến của giáo lý chân thật.

Các nhà giáo lý phân định về Quyền Thật theo nhiều cách khác nhau. Theo sự phân định của hai nhà Thiên Thai và Hiền Thủ đều suy tôn Pháp Hoa, Hoa Nghiêm là giáo lý chân thật nhất. Nay xét phẩm Dược Vương Bản Sự trong kinh Pháp Hoa nói, người nữ nghe kinh điển này, y theo lời dạy tu hành, lúc mạng chung liền sinh qua thế giới An Lạc, được thần thông của bậc Bồ-tát, đạt trí tuệ thấu rõ lý không sinh không diệt của các pháp.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát Phổ Hiền dạy Đồng tử Thiện Tài phát mười đại nguyện vương, lúc mạng chung dẫn lối vãng sinh Cực Lạc, không bao lâu sẽ được đạo giác ngộ Vô Thượng. Thế nên mới biết, công đức của niệm Phật và công đức y lời dạy tu hành theo kinh Pháp Hoa đều như nhau, cùng với sự phát mười đại nguyện vương công đức cũng như nhau.

Đã phân định hai kinh ấy là giáo lý chân thật thì có thể biết rằng Tịnh độ chẳng phải là giáo lý phương tiện quyền biến. Cho dù bảo rằng Tịnh độ là giáo lý phương tiện quyền biến thì vẫn là phương tiện quyền biến nơi giáo lý chân thật. Việc đó mọi người có thể hiểu rõ.

Vả lại, tôi từng cứu xét luận Khởi Tín. Trong luận ấy nói: *“Người mới học về lòng tin chân chính Đại thừa, do ở nơi cõi này không thường gặp Phật nên lo sợ lòng tin thiếu duyên sẽ bị lui sụt. Nên biết, Như Lai có phương tiện thù thắng giúp cho họ không thoái thất, chỉ cần chuyên niệm*

Chân như Pháp thân của Phật A-Di-Đà ở thế giới Cực Lạc chắc chắn được sinh về cõi nước ấy”.

Tôi còn khảo cứu trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, trong ấy nói: *“Phàm phu tâm tưởng yếu kém, chưa được Thiên nhãn, không thể thấy xa. Chư Phật Như Lai có phương tiện kỳ diệu làm cho họ được thấy”.*

Phàm gọi là phương tiện thù thắng, phương tiện kỳ diệu, đó đã là sự quyền biến rồi.

Hai phương tiện này, nếu từ khía cạnh rốt ráo mà bàn, thì không có hai và cũng không khác với phương tiện vi diệu trong kinh Pháp Hoa. Do đó nên nói, giáo lý Tịnh độ là phương tiện quyền biến nơi giáo lý chân thật.

Hỏi: *Những người tham thiền phân nhiều hay nói: “Tham Thiền là pháp chân thật, niệm Phật là pháp quyền biến. Tham thiền là viên đốn, niệm Phật là tiệm tu”. Như thế có phải chăng?*

Đáp: Ông thấy niệm một câu Phật hiệu gọi là pháp quyền biến, giữ một câu thoại đầu gọi là pháp chân thật. Nhưng đâu biết rằng, nếu danh hiệu Phật mà nói là quyền biến thì câu thoại đầu cũng không thể là chân thật được.

Ông không nghe nói sao: *“Ba tạng kinh điển, những lời trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên đều là dây sắn, dây bìm hôi thối trói buộc chết người, chỉ là “tay không”, “lá vàng” để dối gạt trẻ thơ nín khóc”.* Thế mới biết, chư Phật trong ba đời, các bậc Tổ sư hễ mở miệng vì người đều là quyền biến, cho dù mình “đã được vào từ nơi đó” cũng đều là chỗ quyền biến.

Tuy bảo rằng: *“Ngay khi bỏ phương tiện, nói thẳng đạo Vô Thượng”* thì cũng đã thành phương tiện mất rồi. Kinh Pháp Hoa ban đầu nói pháp một vòng, sau đó mới gọi là phẩm Phương Tiện, lẽ nào đó chẳng phải là pháp quyền biến sao?

Do đó nên biết, niệm Phật và tham thiền đều là những phương tiện quyền biến khéo léo để tiếp dẫn chúng sinh. Nếu thấu suốt thì không có pháp nào chẳng phải chân thật, chưa tỏ rõ thì pháp nào cũng là quyền biến.

Ông bảo rằng tham thiền là viên đốn, nghĩa là “một niệm không sinh” gọi là Phật. Thử xem câu: “Nhớ Phật, niệm Phật đến chỗ tâm khai ngộ thấy Phật”, và câu: “Một niệm không sinh”, sự thật có sâu cạn hay chẳng?

Hơn nữa, Tiệm giáo của Đại thừa phần nhiều nói trải qua ba kỳ kiếp tu hành Lục độ, còn cần phải gieo trồng nhân tướng hảo trong trăm kiếp, sau đó mới thành tựu được đạo giác ngộ chân chính. Nhưng ở cõi Tịnh độ này, người sinh về liền bước lên bậc Bất thối chuyển, có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng thần thông, sống lâu mãi mãi, chỉ trong một đời là thành tựu quả Phật. Như thế, lẽ nào Tiệm giáo có thể sánh kịp? Lại còn nước, chim, cây rừng đều phát ra âm thanh vi diệu; lưới báu, nhạc Trời đều tấu diễn pháp mầu. Như thế, chẳng những không thuộc về Tiệm, mà cũng không hạn cuộc nơi Đốn.

Nay phân định Tịnh độ là Tiệm giáo, thật ra dựa vào đâu nói như thế? Chẳng qua chỉ là lời nói cuồng dại không căn cứ, khiến cho mọi người thêm mê lầm rối loạn mà thôi.

QUYỀN HẠ

Sa-môn Nguyên Hiền

ở chùa Dũng Tuyền, Cổ Sơn trước tác

1. NGĂN CẤM SÁT SINH

Trong nhà Phật, giới sát là đứng hàng đầu. Chẳng những đạo Phật mà các đạo khác cũng xem trọng giới này. Bởi lẽ, cái yêu quý nhất của con người và loài vật là mạng sống, còn điều đau khổ nhất không gì hơn cái chết. Cho nên, điều ác lớn nhất, tội lỗi nặng nhất là sát sinh.

Từng nghe rằng: “Đức lớn của trời đất là sinh, điều ác lớn nhất của con người là sát sinh”. Ông trời có đức hiếu sinh, nên biết chắc rằng Ngài ghét sát sinh. Bảo toàn mạng sống chúng sinh là việc đứng đầu mọi điều lành, sát sinh là việc đứng đầu mọi điều ác. Nhân từ là lòng người, cho nên biết giết hại sinh mạng chẳng phải lòng người. Sao lại có thể không xem trọng giới sát?

Hơn nữa, con người đã lấy nhân từ làm tâm, tâm lượng trùm khắp hư không, đâu có chỗ nào không đến được; xuyên suốt trước sau, đâu có

khi nào dừng nghỉ. Bảo rằng trời đất và vạn vật một thể, chính là nói tâm này, lòng nhân từ này. Cho nên, bậc Thánh của nhà Nho cho rằng: *“Nếu có thể xét chỗ tốt cùng của “sự Trung hòa” thì đạt được cảnh giới viên mãn, trời đất vạn vật đều được chỗ thích nghi và sinh trưởng”*.

Người có tâm thành khẩn tha thiết thì có thể thấu rõ bản tánh của chính mình, có thể thấu rõ bản tánh của chính mình thì mới có thể thấu rõ bản tánh của con người, thấu rõ bản tánh của con người mới có thể thấu rõ bản tánh của vạn vật. Điều này chẳng phải viên vông không thực tế. Lòng nhân từ một thể vốn đã như thế, nhưng Thánh nhân sửa trị thiên hạ lại không tránh khỏi việc dùng thức ăn tươi sống là tại sao? Đó là việc bất đắc dĩ.

Tôi từng khảo xét trong kinh Phật. Trong kiếp đầu tiên con người sống thật thà chất phác, không dối trá nên trời sinh đất đai màu mỡ, lúa thóc tốt tươi, giúp cho nhu cầu ăn uống hàng ngày được đầy đủ. Sau này, sự dối trá dần dần tăng trưởng, đất đai màu mỡ và lúa thóc trước kia đều không sinh nữa. Con người phải khó khăn mới có được thức ăn. Do cái đói bức bách, nên gây ra việc giết hại, dùng mạnh hiếp yếu, dùng trí lẩn ngu, bắt các loài cầm thú ăn thịt, cũng giống như cầm thú ăn nuốt lẫn nhau thôi. Ban đầu chỉ vì ngăn chặn cái đói, nhưng sau cùng trở nên tham đắm mùi vị của thịt tanh mỗi ngày một sâu. Đồ tể giết mổ, hàng thịt đầy đầy, mỗi ngày một nhiều.

Bậc Thánh vì thương xót sinh vật, nên mới lập ra “lễ” để ngăn chặn. Nên bảo rằng: *“Giữa mùa Xuân không cho phá tổ đập trứng loài chim, cá còn nhỏ không cho đánh bắt. Cúng tế theo lễ, phải hiến cúng theo quy định; yến tiệc theo lễ, cũng phải có số lượng quy định. Đại phu không được vô cớ giết hại trâu dê, kẻ sĩ chẳng được vô cớ giết hại heo chó”*. Điều đó lẽ nào chẳng phải là bản ý của Thánh nhân? Tuy không thể ngăn chặn hết xu hướng sát sinh, nhưng cũng phần nào ngăn ngừa được việc lạm sát. Cho nên nói, đó là “điều bất đắc dĩ của Thánh nhân”.

Loài vật và ta hình dáng tuy khác, nhưng tri giác vốn đồng, tham sống sợ chết nào khác con người! Nay chỉ vì để ta có một bữa ăn ngon miệng mà khiến chúng phải chịu đau đớn cùng cực. Như thế, về mặt tình và lý có thỏa đáng chăng? Lấy thân mạng quý trọng của chúng để đáp ứng cho lòng tham hưởng thụ phù phiếm của ta, về mặt tình và lý có thỏa đáng chăng? Giết mạng chúng để mong kéo dài mạng sống của ta. Giết

thân chúng để bồi đắp thân ta. Giết cha mẹ, vợ con chúng để bảo dưỡng cha mẹ, vợ con ta. Như thế, về mặt tình và lý có thỏa đáng chăng? Chẳng cần phải đợi xét lại mình, cứ thử nghĩ trong tâm trạng còn sống mà bị dao bén cắt thịt, nước sôi nung nấu xem. Ta có thể nhẫn tâm ăn nuốt trước tình cảnh hoảng sợ kêu gào, đau đớn oán hận của chúng hay sao? Nếu cho là có thể nhẫn tâm ăn nuốt thì tâm họ chẳng phải tâm người nữa rồi! Mạnh Tử nói: “*Người quân tử chỉ muốn thấy vật sống, chẳng*

33876.7666(3)33) 6.66667((t)-2.6424 đ67(t)-2(a)4(.)-3.66667()-8324.24 0 7 18 7
éU Ỗ ỹ ả Ỗ ấ ể Ắ ă ẫ ẫ ể ừ ủa Ỏ Ắ ư Ặ Ặ ừ ỳ ừ ủa Ặ Ặ Ặ Ặ Ặ Ặ ừ ỳ
33(k) 6.6666(ê)4(u) 6.66667() 6.66667() 443.848T 15 18 T 17.04 0 Td ()-16.6667
12(n) 861666670(n) 5m 3.866674d01(2) 6.6 1 h

*Chớ bảo Diêm vương phán
Tự xét thấy thế nào?”*

Bài kệ này đã nói cùng tận ý nghĩa của việc ngăn cấm sát sinh.

Còn như thuyết nhân quả báo ứng là lẽ tất nhiên, chắc chắn khó lẩn tránh. Không chỉ trong kinh Phật nói tường tận, sử truyện ghi chép, mà rõ ràng nơi mắt thấy tai nghe, không phải điều lừa dối. Người quân tử dừng việc ác chẳng phải vì sợ hình phạt, làm việc nhân từ không phải vì mong cầu quả báo, mà chẳng qua chỉ làm toàn vẹn tâm mình mà thôi. Mong bậc cao minh hãy suy xét điều này!

2. KHUYÊN PHÒNG SINH

Từng nghe rằng: “Chư Phật và chúng sinh đồng một tâm thể. Chư Phật dùng tâm tham ái của chúng sinh mà chuyển thành lòng từ bi, cho nên lòng từ bi của các Ngài rất rộng lớn. Chúng sinh đem lòng từ bi của chư Phật lấp kín lại thành tâm tham ái, cho nên tâm tham ái của chúng sinh rất sâu dày”.

Sự tham ái sâu dày thì không vật gì mà chẳng yêu thích, nhưng yêu thích nhất là bảo vệ mạng sống của riêng mình. Lòng từ bi rộng lớn thì không vật gì chẳng thương xót, nhưng thương xót lớn nhất là hành vi cứu vớt mạng sống của chúng sinh.

Thế nên, bậc quân tử ngày xưa ưa thích phóng sinh. Bởi vì, trên hợp với lòng đại từ của chư Phật, dưới thỏa mãn tâm mến tiếc thân mạng sâu dày của chúng sinh. Sự rộng lớn của việc làm lành không gì sánh bằng.

Động lòng thương xót trước cảnh sát hại, sự thâm độc hại được bày ra, trăm phương ngàn kế giăng câu bắt lầy, hoặc nhốt chặt trong lồng, trong chuồng; hoặc sinh mạng treo trên dao bén. Hồn phi phách lạc, mẹ con ly tán. Miệng kêu gào tức tưởi biết nói cùng ai, mắt đầm lệ cầu xin cứu vãn. Giống như tù nhân sắp bị hành quyết, bức bách vì cận kề cái chết; cũng như mọi người đang an ổn mà bỗng nhiên bị đánh cướp.

Tình trạng đau đớn ai oán ấy thật chẳng biết nói thế nào! Cho nên, chư Phật vì đối với nỗi đau khổ này mà ngăn cấm sát sinh, khuyên bảo phóng sinh.

Hao tổn tiền của không bền của ta để chuộc lại mạng sống rất quý giá của chúng, hoặc ít chỉ một hai con vật, hoặc nhiều thì đến muôn ngàn sinh mạng, giúp cho chúng khỏi nguy khốn thành an ổn, sắp chết được sống lại, trời cao biển rộng mặc tình dạo đi, nắng ấm gió hòa ra sức bay lượn trong hư không quang đãng. Tuy bảo rằng sự bố thí một ít tiền của chẳng đáng bao nhiêu, nhưng ơn cứu mạng thật rộng lớn vô cùng.

Ở đây không bàn đến việc những sinh vật ấy sẽ làm Phật ở đời vị lai, hay đã là cha mẹ nhiều đời của chúng ta, nhưng vì tri giác vốn chung đồng nên xét theo lý rất khó mà nhẫn tâm. Cũng không bàn đến việc bị quả báo ở đời này, hay bị nợ nần sau khi chết, nhưng một khi đã ra tay giết hại, thì tự nhiên nơi lòng khó mà quên được.

Nhìn cỏ cây rơi rụng héo tàn còn thảm thương bi cảm, thấy mây mù bủa giăng âm u thì buồn bã không vui, huống gì là mạng sống của chúng

Ăn thịt đã không trở ngại sự chân tu, phóng sinh há lại trái ngược với điều lý?

Gieo mình xuống vực, cắt thịt cứu chúng sinh thì sự chấp về thân đều quên; xả thân cho cọp đói, cho chim ung ăn thì lòng từ bi càng thêm rộng lớn. Vận dụng lòng từ bi mà công đức hữu vi tỏa sáng, trừ chấp thân mà ý chỉ vô sinh âm thầm phù hợp.

Nay xem trọng thân mình, khinh thường mạng sống sinh vật, rõ ràng chỉ quý trọng mạng mình, vì ham sống mà giết hại thân mạng chúng sinh. Như thế, lại còn ngại biện rằng không có sinh tử nữa ư? Thế thì còn hơn cả kẻ bất nhân!

Hỏi: Trong kinh có nói: “Không sinh không diệt”, nếu là không sinh thì không diệt, mà có sinh thì có diệt. Như thế, sát sinh nào có ngại gì?

Đáp: Kinh nói: “*Tướng không của các pháp vốn tự không sinh cũng không diệt. Không sinh nên thường lặng lẽ, không diệt nên thường chiếu soi. Thường lặng lẽ, thường chiếu soi gọi là Thường Tịch Quang*”. Đó là tâm mẫu nhiệm của mọi người. Tại sao lại đem lời chí lý làm thành lý luận vô ích? Kẻ ngu nói càn đến thế, thật đáng buồn thay!

Hỏi: Sinh vật bị định nghiệp nên khó tránh khỏi cái chết, cần gì phải phóng sinh?

Đáp: Hễ có sự sống thì có cùng chung bản tánh và mọi loài đều sợ chết. Nếu cho rằng mạng sống của sinh vật khó tránh khỏi cái chết thì đem nấu nướng là lẽ đương nhiên. Và con người cũng sống không được bao lâu, nên có thể tru di hay sao?

Những tù nhân ở trong ngục nhất định phải chết, bị hình phạt để lấy khẩu cung, cũng phải lần lượt qua mùa Thu hoặc mùa Đông mới đem hành quyết. Người bệnh lâm nguy trên giường, thầy thuốc còn muốn giữ mạng sống của họ trong sớm chiều. Những người ấy nhất định chết mà còn hy vọng được sống, huống chi con vật đang sống mà lại nở lòng sát hại chẳng xót thương!

Hỏi: Người có lòng nhân từ nên cứu tế rộng rãi nhân dân, sao chỉ lo từ bi nhỏ bé ở nơi sinh vật cỏn con?

Đáp: Việc có lớn nhỏ, tâm không có lớn nhỏ. Bắt voi hay bắt thỏ, Sư tử đều dốc toàn sức lực; một trận mưa thấm nhuần khắp cả cỏ cây, rừng rậm chẳng khác nhau. Tâm chẳng phải là to lớn, lẽ nào lại chê điều thiện nhỏ mà không làm? Tâm chẳng phải nhỏ bé, sao lại thấy điều thiện nhỏ mà cho là không phải to lớn?

Như lời ông nói thì những việc đào ao thả cá, gỡ lưới cứu cầm thú đều là những việc nhỏ nhất, mà chỉ quý việc lành lớn lao thôi sao?

Hỏi: *Phóng sinh vốn là từ bi, nay chẳng thả gà, heo, ngỗng, vịt mà chỉ phóng sinh chim, cá, lươn. Tại sao không bình đẳng như thế?*

Đáp: Ở nhân gian có hai loại súc sinh, một là chịu quả báo nhất định bị giết như gà, heo... Hai là chịu quả báo không nhất định bị giết như chim, cá...

Loài súc sinh chịu quả báo nhất định bị giết thì không thể cứu; loài chịu quả báo không nhất định bị giết thì có thể cứu được. Đó là do chúng sinh gây nghiệp khác nhau, chẳng phải lòng từ bi không bình đẳng.

Hỏi: *Mời khách dự yến tiệc, nếu không sát sinh rất trái với tình người, nhất định dẫn đến sự chệch bại, thì biết làm thế nào?*

Đáp: Không Tử hỏi kẻ dưới, đâu cho rằng việc trái ngược với mọi người là điều bị chệch bại. Mạnh Tử có tài hùng biện, bị người chệch bại mà chẳng cho rằng việc xấu hổ.

Bởi vì, ta giữ điều phải đâu ngại gì người khác cho là quấy. Huống chi chánh trí của chư Phật thấy suốt sự lợi hại rộng lớn của muôn đời. Vọng tình của người đời chỉ thấy sự được mất nhỏ bé trong một lúc. Nếu thuận theo vọng tình của chúng sinh, tuy tránh khỏi lời chệch bại nhất thời mà phải chịu nỗi khổ lớn trong muôn kiếp. Nếu thuận theo chánh trí của chư Phật, tuy có bị lời chệch bại hiện giờ, nhưng nhất định được niềm vui chân thường trong muôn kiếp.

Lời đức Phật dạy không nên làm trái ngược, còn lời của mọi người đâu đáng bận lòng. Đây là điều người trí nên chọn lựa!

Hỏi: *Cá, tôm, lươn, tép, mạng sống của chúng rất nhỏ bé. Trong một ngày những con vật ấy bị giết số nhiều không thể tính kể, nếu giết chúng mà có tội, thì mọi người đều rơi vào ba đường ác cả sao?*

Đáp: Có những người giết chúng mà chưa rơi vào ba đường ác, bởi vì phước lành của họ còn mạnh mẽ nên tạm thời được khỏi. Nếu quả báo lành đã hết, nhất định sẽ rơi vào trầm luân.

Hơn nữa, các loài vật tuy nhỏ nhưng đều có tánh Phật, giết một sinh vật nhỏ bé cũng là giết một Phật tử.

Mọi người phần nhiều xem thường sinh mạng nhỏ bé, nên giết hại nhiều chúng sinh. Giết cả mấy ngàn sinh mạng cũng chưa đủ cung cấp cho nhu cầu của một bữa ăn, khiến chúng đau đớn đến chết để làm thơm ngon hương vị trong một bữa cơm, oán hận trong muôn kiếp, như thế làm sao ăn cho được!

Hỏi: Trì trai không ăn thịt có hơn phóng sinh chăng?

Đáp: Đức Phật sở dĩ dạy mọi người trì trai vì muốn ai nấy đều mở rộng lòng từ bi. Cho niềm vui gọi là từ, giải trừ đau khổ gọi là bi. Nay trì trai mà không phóng sinh, sao gọi là cho niềm vui, sao gọi là giải trừ đau khổ? Thế nên, tuy không ăn thịt cũng gọi là đại phá trai.

Vả lại, đức Phật có ba Tụ tịnh giới:

1. Nhiếp luật nghi giới.
2. Nhiếp thiện pháp giới.
3. Nhiêu ích hữu tình giới.

- Không ăn thịt là Nhiếp luật nghi giới.

- Phóng sinh là Nhiếp thiện pháp giới.

- Dạy người răn chừa việc sát hại, nên phóng sinh là Nhiêu ích hữu tình giới.

ƯA

Hỏi: *Ngoại đạo nói: “Hồn của súc sinh khác với hồn người. Hồn người sau khi chết không diệt, hồn súc sinh sau khi chết thì tiêu diệt”. Do đó, mặc tình giết hại và cho rằng không có tội báo. Như thế là sao?*

Đáp: Máu cùng đỏ thì vốn đồng bản tánh, bản tánh vốn không hai, lẽ nào loài vật lại khác với con người? Cho nên, chúng cũng có đầy đủ sự ham muốn về ăn uống, giới tính, lòng tham sống sợ chết, rõ ràng là đồng với con người, chỉ bởi do nghiệp lực chiêu cảm nên thân hình mới khác nhau thôi, đâu có thể do thân hình chúng khác với con người mà bảo rằng linh hồn có khác.

Có người nói: “Con người có thể hiểu đạo lý, còn cầm thú thì không thể. Vì vậy, linh hồn của chúng khác với con người”. Nhưng, Giác Đoan nói được, Nguyên Quy hiện điềm, Thần Long bảo hộ chánh pháp, bầy Hạc nghe kinh, chúng đều là súc sinh nhưng lại có sự thông minh và thần lực còn hơn con người, thế thì dựa vào đâu bảo rằng “linh hồn không bằng người, sau khi chết hồn liền tiêu diệt?”.

Sở dĩ chúng không thể hoàn toàn giống như con người là do nghiệp ác ngăn trở. Và lại, đức Phật ngăn cấm sự giết hại không phải ở chỗ chuyên bàn luận về việc hồn chúng có tiêu diệt hay không, mà chỉ xét về nỗi khổ đau đớn của chúng, nên chẳng nhẫn tâm giết hại.

Ngay cả cỏ cây đang mọc xanh tốt, người quân tử còn không nỡ chặt bẻ, huống gì có cùng một dòng máu đỏ! Vì vậy, những lời nói trên chính là tà thuyết của ngoại đạo nguy hiểm để mặc tình thỏa mãn việc ăn uống mà thôi.

Hỏi: *Đất đai ở phương này nhiều rau cỏ có thể không sát sinh. Nếu sinh ở vùng ven biển, biên giới mỗi ngày đều lấy trâu, dê, cá, tôm... làm thức ăn thì làm sao ngăn cấm?*

Đáp: Người hiện nay sinh ở vùng biên giới thấp hèn là bị quả báo do đời trước làm ác không tin Tam Bảo, tạo nhiều nghiệp sát, nhất định đi vào trong ba đường ác. Nếu có thể biết sai lầm của mình, sửa đổi tu hành, niệm Phật sám hối, mới mong tránh khỏi tai ương về sau.

Nếu tình thế cực kỳ khó thay đổi, chỉ cần lúc sáng sớm lễ Phật niệm Phật, hoặc trì kinh chú nguyện, những sinh mạng bị người kia giết hại nhờ vào sức mạnh của Phật nên mau chóng được siêu sinh.

Người ấy nếu chí thành tha thiết, cố gắng thực hành không biết mệt mỏi, thì nghiệp báo có thể tiêu tan, đời sau sinh về chỗ tốt lành.

Hỏi: Trong kinh nói: “*Ăn thịt chúng sinh chính là ăn thịt người thân mình*”. Phần nhiều mọi người sợ hãi, nhưng lại không tin và bảo rằng: “*Chúng sinh nhiều như thế, lẽ nào những con vật mình ăn đều là người thân thuộc sao?*”.

Đáp: Chúng sinh từ thuở xa xưa đến nay, xoay vần trong sáu nẻo, không có lúc nào dừng nghỉ, bỏ thân rồi nhận thân đầy khắp quả đất, thì có chúng sinh nào chẳng phải là thân thuộc. Đã đều là thân thuộc thì những con vật hiện nay mình ăn thịt đều là quyến thuộc của mình, còn nghi ngờ gì nữa!

Hỏi: Con người đáng quý trọng, thú vật là thấp hèn. Thế nên giết mạng một con vật, tại sao đức Phật lại bảo là điều đại ác?

Đáp: Cái quý trọng nhất của chúng sinh là sinh mạng, điều bi thảm nhất ở thế gian là giết hại, cho nên đó là việc ác lớn nhất.

Vả lại, con người vừa khởi một tâm niệm giết hại liền chắt chứa vào mảnh ruộng của tâm thức, mãi làm hạt giống trong vòng luân hồi nhiều kiếp. Chúng sinh bị giết hại, khởi một tâm sân cũng liền tích góp vào mảnh ruộng của tâm thức, mãi làm hạt giống oán hận ở nhiều kiếp. Đời đời kiếp kiếp nhân duyên hội ngộ tất sẽ báo thù, phục hận lẫn nhau.

Kinh Lăng-Nghiêm nói: “*Giết hại thân mạng chúng sinh, hoặc ăn thịt chúng thì trải qua số kiếp nhiều như cát bụi sẽ ăn giết lẫn nhau. Ví như bánh xe xoay vần trên dưới thay đổi không có ngừng nghỉ*”.

Than ôi! Nên cố gắng tự răn chừa!

Hỏi: Trời sinh cầm thú để nuôi dưỡng con người phải không?

Đáp: Người xưa có nói: “*Trời lẽ nào lại vì cạp, sói sinh ra thịt; vì ong, muỗi sinh ra con người sao?*”.

Do bởi người, vật đều tùy theo nghiệp lực mạnh yếu, ăn nuốt giết hại lẫn nhau. Đó chính là tự mình làm, tự mình chịu, chẳng phải trời khiến như thế.

Hỏi: *Giết súc vật để chúng tránh khỏi nỗi khổ trong loài súc sinh, khiến chúng được siêu sinh làm người phải không?*

Đáp: Đó là lời nói tà ma. Quả báo đau khổ của loài súc sinh chưa hết mà bị giết hại thì chúng sẽ làm súc sinh trở lại, phải chịu sự đau khổ giết hại thêm một lần nữa. Nếu quả báo của chúng hết, không đợi giết sẽ tự chết, như heo, dê tự bệnh mà chết.

Thuở xưa, có người vì việc hôn nhân giết nhiều sinh vật. Khi bệnh chết, đi vào cõi U Minh, thấy heo, dê kêu oan: “*Chúng tôi làm ác đọa vào loài súc sinh, chịu quả báo chưa hết mà bị giết hại oan uổng, nay phải chịu làm súc sinh trở lại. Chính người khiến chúng ta chịu sự đau khổ của đao bén thêm một lần nữa*”. Người ấy vô cùng sợ hãi, phát nguyện ấn tống năm ngàn quyển kinh Kim Quang Minh để giúp chúng được siêu sinh. Giây lát heo, dê... đều bay lên hư không.

Vị quan ở Âm ty đưa tay lên nói: “*Các sinh vật bị oan nhờ sức mạnh của kinh đều được siêu sinh rồi*”.

Người ấy sống lại, như sở nguyện ấn tống kinh, ban phát cho mọi người.

(Xuất phát từ truyện cảm ứng trong kinh Kim Quang Minh).

Hỏi: *Các loài chúng sinh rất nhiều, nay chỉ thả được mấy con cá, lươn, mấy trăm con sò, ốc, sao gọi là từ bi được?*

Đáp: Các loài bò bay, máy cưa đều có tánh Phật, lấy mắt phàm tục nhìn chỉ là con vật rất nhỏ, dùng mắt Phật xem thì đồng là Phật tử.

Nếu cứu một mạng sống của con vật tức cứu một Phật tử, chư Phật trong mười phương thấy đều vui theo. Hơn nữa, chúng sinh sắp chết mà được cứu sống nhất định rất vui mừng, thì đem góp vào mảnh ruộng tâm thức, mãi làm duyên hoan hỷ muôn đời. Ta khởi một tâm niệm thương xót cứu hộ cũng liền gieo trồng vào mảnh ruộng tâm thức, mãi làm hạt giống từ bi trong muôn kiếp.

Tuy chỉ cứu mạng một con vật lại đầy đủ hai loại công đức rất lớn, huống gì cứu nhiều sinh mạng!

Hỏi: *Nếu ai nấy đều không sát sinh thì cầm thú đầy khắp thế gian như: chó sói, beo cạp rất hung hăng dữ tợn, con người không giết chúng, chúng sẽ ăn thịt người. Tại sao lại dạy mọi người không sát sinh?*

Đáp: Đức Phật nói: “*Nếu người đầy đủ công đức của lòng từ, tất cả đao binh, nước lửa đều không thể tổn thương, tất cả các ác thú độc trùng không thể làm hại*”. Bởi vì chỉ có lòng từ cùng cực trong thiên hạ mới có thể giáo hóa tâm hung bạo cùng cực trong thiên hạ.

Thuở xưa, thời vua Hán Quang Vũ, ở Hoàng Nông có nhiều cạp. Thái thú ra lệnh cho dân đào hố làm bẫy, dùng cung nỏ để trị nó mà tai nạn cạp dữ càng nhiều. Đến khi Lưu Côn làm Thái thú bảo rằng: “*Tai nạn cạp này do chính trị tàn bạo gây nên*”. Ông ra lệnh lấp hầm hố, bẻ cung nỏ, chỉ chăm lo thực hành chính sách nhân từ với dân. Cạp bèn cùng nhau bỏ đi qua sông.

Lưu Côn tuy chưa phải người biết đạo, nhưng với một tâm niệm nhân từ mà có thể sửa đổi được cạp dữ. Huống gì người học đạo từ bi của đức Phật!

Bởi vì người là chủ của sinh vật, nếu người tàn nhẫn hung bạo đều trở thành từ bi thì những vật độc hại dữ tợn cũng đều biến thành lân, phụng. Đó là đạo lý cảm ứng tự nhiên.

Chỉ lo người không từ bi, chớ đừng lo vật không trở thành lân, phụng.

Hỏi: *Phàm cúng tế máu thịt cho thần linh thì được phước, nếu không sát sinh lấy gì để cúng tế?*

Đáp: Đức Phật nói: “*Tạo nhân lành được phước, gây nhân giết hại thì mắc tội*”. Kẻ ngu không lo làm lành chỉ lo sát sinh cúng tế để mong được phước nơi thần linh, như thế chẳng những không được phước trái lại còn mắc tội. Huống chi, người cúng tế có thể làm thức ăn chay, tụng kinh hồi hướng thì thần và ta đều được phước lành, cần gì sát sinh mới gọi là cúng tế!

Hỏi: *Có ý phóng sinh tức là chấp tướng; không sát sinh, không phóng sinh, vô tâm với tất cả mới hợp với đạo?*

Đáp: Đó là lời nói của thầy tà, trong nhà Phật gọi là cái không vô ký.

Đức Phật dạy mọi người phát đại nguyện lực cứu khổ chúng sinh. Nếu không có đại nguyện lực, tất cả mọi việc làm lợi ích chúng sinh đều không thể thành tựu.

Thuở xưa, ông bà bảy đời của Bảo Văn Vương Mãn Trọng không sát sinh, mà ưa thích phóng sinh. Đến đời Mãn Trọng có kẻ tà kiến, dạy rằng:

- Không sát sinh không phóng sinh, phó mặc vô tâm mới là tuyệt diệu, không cần chấp tướng.

Mãn Trọng nghi ngờ mới hỏi Thiền sư Pháp Hoa. Ngài liền quở trách:

- Ông làm to rồi! Sao lại rơi vào chấp Không như thế? Máy khúc cây trước mặt đều vô tâm, vậy nắm lấy những khúc cây ấy có thể cứu khổ chúng sinh được chăng? Ông hãy mau sám hối tội lỗi tà kiến ấy đi.

Mãn Trọng sợ hãi bèn trở lại phát tâm phóng sinh trăm vạn sinh mạng súc vật. Do gặp năm đói, ông đem lúa gạo đãi lấy mấy chục đầu ốc, hến, tụng kinh trì chú rồi thả chúng xuống giữa dòng sông. Đêm ấy, ông nằm mộng thấy Bồ-tát Văn-Thù hiện thân kim sắc an ủi rằng: *“Ta nhớ kiếp xưa cũng từng sinh trong loài ốc, hến. Ông chỉ nên vững tâm cứu khổ chúng sinh”*.

Mãn Trọng càng thêm tin tưởng. Cảm thấy kỳ diệu, ông bèn viết văn khuyên đời.

Hỏi: *Nhân từ với dân, rồi sau mới thương yêu loài vật. Nay không lo thương yêu con người trước mà thương yêu con vật trước là tại sao?*

Đáp: Nhân từ với dân thì dễ, còn thương yêu loài vật thì khó.

Người có thể thương yêu con người mà không thương yêu loài vật thì có, nhưng chưa có ai thương yêu loài vật mà không thương yêu con người.

Thế nên, Bồ-tát Hoa Nghiêm nói: *“Ta còn chẳng nở làm khổ một con kiến, huống gì con người!”*.

Vua Thành Thang giở lưới cứu chim thú, lòng thương trải rộng đến muôn dân cho nên nhân đức trùm khắp thiên hạ.

Thuở xưa, Trung Sơn Vương đi săn bắt được một con nai. Người đánh xe tên là Ba Tây thương xót con nai ấy nên thả nó. Trung Sơn Vương tức giận, bèn đuổi Ba Tây. Sau đó ông mới tỏ ngộ: “Ba Tây còn không nỡ hại con nai, hấn sao có thể nhẫn tâm hại con ta được”.

Về sau, cất nhắc Ba Tây lên làm Thái Phó. Đến khi ông lên ngôi vua dùng Ba Tây làm tướng, ra sức thực hành chính sách nhân từ, cả nước thái bình thịnh trị.

Như thế, ai bảo rằng kẻ thương yêu loài vật không thể thương yêu con người!

Hỏi: *Bố thí cho kẻ bán cù và sửa cầu, làm đường, công đức ấy lẽ nào không hơn thả mấy trăm con chim, cá, lươn, rùa?*

Đáp: Nhân quả đều theo loại, nên bố thí được quả báo giàu có; không sát sinh được quả báo trường thọ. Giả sử thực hành muôn việc phước, nhưng nếu không dứt trừ sát sinh, đời sau tuy được giàu sang nhưng ắt đoản mạng, chết yểu, nhiều bệnh tật, có phước mà không thể hưởng được.

Hỏi: *Đức Phật nói: “Người ưa thích sát sinh thì chắc chắn chịu quả báo đoản mạng”. Hiện đời, hoặc có kẻ ưa giết hại mà sống lâu là tại sao?*

Đáp: Đức Phật nói sự báo ứng của thiện ác có hai loại:

1. Quả báo: đời này tạo nghiệp thiện ác, đời sau chịu quả báo khổ vui.
2. Hoa báo: đời này gây nghiệp thiện ác, đời này liền chịu sự báo ứng khổ vui.

Hiện nay, hoặc có người ưa sát sinh lại được sống lâu vì phước đời trước của họ sâu dày chưa tiêu hết, nên tạm thời tránh khỏi hoa báo mà thôi.

Quả báo trong ba đường ác, há có thể tránh khỏi hay sao!

Hỏi: *Gắng sức thực hành phóng sinh có thể thành Phật hay chăng?*

Đáp: Phạm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: “Nếu làm cho chúng sinh vui mừng, tức là làm cho tất cả Như Lai vui mừng. Tại sao? Vì các đức Như

Lai lấy tâm đại bi làm thể tánh, vì chúng sinh mà khởi tâm đại bi, do lòng đại bi mà phát tâm Bồ-đề, do nơi tâm Bồ-đề mà thành tựu đạo giác ngộ chân chính”.

Chúng sinh thương yêu nhất là thân mạng, chư Phật thương yêu nhất là chúng sinh. Cứu vớt được thân mạng chúng sinh thì có thể thành tựu tâm của chư Phật.

Đức Như Lai lúc tu nhân làm Trưởng giả Lưu Thủy cứu mười ngàn con cá. Ngài còn vì chúng thuyết pháp niệm Phật, bày cá đều sinh lên cõi Trời. Trưởng giả rốt cuộc thành tựu quả vị Phật. Nên biết, nhân duyên phóng sinh nhất định thành Phật. Những điều lành nhỏ bé khác không thể so sánh được.

Hỏi: *Người đời tu tập công đức trì trai, nhưng xong việc liền sát sinh khai trai. Như thế có hao tổn công đức chăng?*

Đáp: Phàm trì trai là lấy lòng từ bi làm công đức. Nếu cố ý sát sinh khai trai là phá hoại công đức của lòng từ bi, mắc tội báo lớn.

Hàn Sơn Tử có làm bài thơ:

*“Hôm qua mới thiết trai,
Bữa nay giết súc vật.
Một phen tạo thiên đường,
Trăm lần tạo địa ngục”.*

Ý nói tâm lành trì trai chưa mãn một phần, nghiệp ác sát sinh đã đầy trăm phần. Đây là điều trong kinh Phật nói: *“Tinh nhiều, tướng ít, đi vào loài súc sinh”*. Những kẻ ấy trở lại bị quả báo giết hại.

Hỏi: *Đức Phật nói: “Kẻ sát sinh ăn thịt ắt đọa vào loài súc sinh”. Do đâu thấy được như thế?*

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tất cả chỉ do tâm tạo”*. Nên biết, mỗi niệm bi trí hạnh nguyện tạo ra thân Bồ-tát, mỗi niệm trì giới tu thiện tạo ra thân trời người, mỗi niệm sát sinh ăn thịt, tạo ra thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Nguyệt Linh nói: “Chim Hoàng Yến xuống nước hóa thành con hào là vì nó luôn ham thích ăn hào, nên thân hình theo tâm biến đổi, bắt chọt rơi vào nước hóa thành con hào”. Việc này đều có thấy trong sách Nho.

Nội Hàn Hồng Mại nói: “Ông đích thân thấy người mổ heo lúc lâm chung nằm dưới đất kêu như heo”.

Người xưa nói: “Kẻ dâm dục mạnh mẽ trở thành phụ nữ, cực kỳ hung bạo trở thành cọp”.

Trình Tử nói: “Tận mắt thấy người dân trong thôn hóa thành cọp, tự dẫn cọp vào nhà ăn thịt những con heo”.

Những việc như thế xưa nay rất nhiều, do đó nên tin lời Phật vì biết có chứng tích rõ ràng.

Người và cầm thú vốn đồng tánh Phật, sở dĩ người khác cầm thú chỉ ở trên hình tướng và tâm ý. Nếu người không có tâm từ bi, chỉ hay sát sinh ăn thịt, thật là kẻ mang hình người mà lòng dạ sói lang cầm thú, đâu cần phải đợi đến đời sau mới thấy.

Hỏi: Ăn thịt bán trong chợ thì ta đâu có sát sinh, vậy có tội lỗi gì?

Đáp: Dù chẳng phải chính ta sát sinh, nhưng ăn thịt của chúng cũng đồng với việc giết hại. Bậc cao đức thuở xưa nói: “Người khắp trong thiên hạ đều gây nghiệp sát, nhưng nếu ta trì trai trong một ngày thì ta không có dự phần vào nghiệp ấy”. Nếu như không có ai mua thịt thì người đồ tể cũng không sát sinh. Đồ tể là nhân của sát sinh, người mua là duyên tạo ra việc sát sinh. Nhân duyên đầy đủ mới thành nghiệp sát.

Kinh Lăng-Già nói: “Vì lợi mà giết hại chúng sinh, do tiền của mà giăng bẫy con vật. Cả hai đều gây tạo nghiệp ác, khi chết đọa vào địa ngục kêu than”.

Trong Luật còn không cho Tỷ-kheo mặc da thú, gấm lụa, hưởng gì ăn thịt.

Nhưng nhân duyên có nặng nhẹ, nên chịu quả báo cũng có nặng nhẹ. Như việc giết hại, trộm cướp ở thế gian, tuy tội có phân chia người cầm đầu và kẻ tòng phạm, nhưng tất cả đều bị bắt vào ngục.

Kinh Lăng-Nghiêm nói: *“Thân tâm cả hai đều thanh tịnh, Ta nói người ấy tiến thẳng đến giải thoát”*.

Hỏi: Trong kinh nói: *“Một ngày trì trai thì trong sáu mươi vạn năm được dư thừa lương thực, còn có năm loại phước báu: 1. Ít bệnh hoạn; 2. Thân an ổn; 3. Ít dâm dục; 4. Ít ngủ nghỉ và 5. Được sinh lên cõi Trời, biết rõ việc đời trước”*. Trì trai một ngày rất ít mà công đức nhiều như thế là tại sao?

Đáp: Đức Phật nói: *“Công đức của tâm từ bi rất lớn. Một ngày trì trai thì cả ngày đều là tâm từ bi, cho nên được phước báu rất nhiều, hưởng gì trường trai!”*.

Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Xem những hạt giống mà tất cả chúng sinh gieo trồng rất nhỏ, nhưng lại thu hoạch quả trái rất lớn. Như trong mùa Xuân chỉ gieo một hạt giống mà mùa Thu lại thu hoạch muôn hạt”*.

Nhân quả, thiện ác cũng như thế. Nên biết khởi một tâm niệm từ bi là cội gốc phước đức của sự an vui chân thường muôn kiếp, hưởng gì mỗi niệm tiếp nối nhau!

Hỏi: *Phóng sinh chuộc mạng, người có tiền của mới làm được, kẻ không tiền của biết làm sao?*

Đáp: Người giàu sang gắn bó với lòng dân và phong tục, vừa cử động thì mọi người ưa thích nghe theo. Nếu họ thực hành phóng sinh, truyền bá tinh thần từ bi rộng rãi thì thật sự có thể đổi thay phong tục.

Nếu không có tiền của, khó mà cứu chuộc sinh mạng, nên thường phát nguyện khuyến bảo những người khác thực hành rộng rãi.

Hoặc có người không cần phải có tiền của để mua chuộc sinh mạng, chỉ nên tìm cách bảo toàn mạng chúng. Hoặc thấy người khác phóng sinh khen ngợi, vui theo, thì sự lợi ích ấy cũng rất to lớn!

4. SÁT SINH BỊ ÁC BÁO, PHÓNG SINH ĐƯỢC THIỆN BÁO

* Vào đời Tống, Thái thú ở Ngô Hưng là Dương Tập Chi, mỗi khi đãi khách thường ưa sát sinh. Ban đầu lúc còn giữ chức Lang Trung ở tỉnh Tấn Tây, ông có nuôi hai con ngỗng. Một đêm nọ, nằm mộng thấy con

ngõng ngậm quyền kinh. Ông lấy xem, thấy đều nói về tội phước báo ứng. Sáng hôm sau, quả nhiên có quyền kinh ấy trên bàn. Từ đó ông dứt hẳn sát sinh.

* Đồi Đường, Hà Trạch Giả người ở Dung Châu, từng có quyền hành trông coi Quảng Châu Tứ Hội. Ông bảo tôi tớ nuôi hàng ngàn gà, vịt để mỗi ngày giết chúng làm thịt. Hà Trạch chỉ có một đứa con, nên rất yêu quý. Một hôm, tôi tớ đang nấu hai con gà, lúc đợi nước sôi thì bỗng thấy quý lồi kéo đứa con của Hà Trạch bỏ vào vạc nước sôi ấy. Đứa bé vùng vẫy muốn thoát thân, nhưng rốt cuộc bị nấu chín cùng với hai con gà.

* Đồi Đường, có ba anh em Vương Tuân bị bệnh nặng cùng một lúc. Trước nhà có tổ chim khách, chúng bay lượn kêu hót ồn náo từ sáng đến chiều. Ba anh em họ rất ghét chúng. Đến khi lành bệnh, họ bèn giăng lưới bắt chim, cắt lưỡi rồi thả. Sau đó, ba người đều bị bệnh nơi miệng, không thuốc gì chữa khỏi, dần dần trở nên nghèo túng, cho đến phải đi ăn xin.

* Húy Kỷ ưa sát sinh, lại có tài bắn cung. Cha ông làm Tri phủ trông coi vùng Ba Châu, Húy Kỷ giăng lưới ở công sở rồi lên lầu xem chùng. Bỗng thấy bầy quạ chạm vào lưới. Húy Kỷ mừng rỡ chạy xuống, thì bị gai đâm trúng gây tổn thương. Lúc ấy, chợt nghe tiếng nói trong hư không: “Ông vốn được sống lâu, nay do sát sinh nên bị tổn thọ”. Quả nhiên, hơn một tháng sau Húy Kỷ qua đời.

* Nước Bái, có một kẻ sĩ có ba người con, tuổi đã xấp xỉ hai mươi, nhưng đều bị câm. Một hôm, có người đi ngang trước cửa, bảo rằng: “Ông thử xét lại xem tại sao như thế?”. Chủ nhà im lặng hồi lâu rồi nói: “Trước kia tôi đi ra ngoài, thấy một tổ chim có chim mẹ cùng hai chim con. Tôi bèn lấy cỏ sắc đâm chết chúng. Hôm nay nghĩ lại thật hối hận”. Nghe thế người ấy nói: “Như vậy là đúng rồi!”.

* Thời Hậu Hán, Dương Bảo năm 7 tuổi, lên Hoa Sơn chơi, chợt thấy một con chim sẻ đang bị bầy kiến vây cắn đau đớn khôn khổ. Dương Bảo thương xót đem bỏ vào rương nhỏ, hái hoa kim châm cho nó ăn. Trải qua mười ngày, con chim ấy mới dần khỏe lại, Dương Bảo bèn đem thả nó. Bỗng một hôm, Dương Bảo nằm mộng thấy có người mặc áo vàng cầm hai chiếc vòng ngọc tặng cho, nói rằng: “Tôi sẽ giúp ông

được làm bậc Tam công, sống lâu đến chín mươi ba tuổi”. Về sau, quả nhiên đều đúng như vậy.

* Thời nhà Lương, có một bà lão làm nghề dệt vải, gia cảnh đơn chiếc. Hôm nọ, bỗng có một con cọp chạy vào nhà, đưa chân hướng đến bà. Bà lão vô cùng hoảng sợ chẳng biết làm thế nào. Thấy dáng vẻ cọp như đang cầu cứu, vì bị thương do gai đâm. Bà bèn nắm lấy chân nó, dùng dùi gạt ra. Khi xong việc, cọp bỏ đi. Hơn một tháng sau, cọp ấy trở lại ngậm một cái túi, trong đó có mấy thoi bạc kim để tạ ơn.

* Niên hiệu Thái Hòa, có người tên Quang Lộc Trù định mổ bò. Lúc người đồ tể cầm dao đến bên cạnh, con bò liền quỳ xuống lạy không chịu đứng dậy, nhưng rốt cuộc người đồ tể cũng giết nó. Một lát sau, người đồ tể bỗng nhiên điên loạn bỏ chạy. Từ đó, mỗi ngày ông ta chỉ ăn cỏ và kêu tiếng giống như bò, thường nằm trong vũng bùn, dùng đầu húc mọi thứ. Trải qua thời gian sau rồi chết.

* Đời Đường, niên hiệu Hiên Khánh, tại một tiệm ăn nọ, có người con dâu mới sinh được một đứa con. Vào ngày đầy tháng, bà con đến chúc mừng. Người con dâu muốn giết một con dê để làm tiệc đãi khách. Con dê ấy nhiều lần quỳ lạy cô nhưng cô chẳng quan tâm, cứ làm thịt nó. Sau đó đem thịt bỏ vào nồi, rồi ôm con trông coi nồi thịt. Bỗng nhiên nồi vỡ, nước sôi tung tóe, tro lửa văng lên người mẹ con cô, rốt cuộc cả hai đều chết.

* Năm đầu niên hiệu Thuần Hy, ở Thái Châu Kính Sơn, có một người đồ tể tên Triệu Nhi, làm nghề mổ heo. Bỗng một hôm, nằm mộng thấy cả ngàn con heo nói được tiếng người. Chúng bảo rằng: “Chúng tôi bị giết chịu đau đớn vô cùng. Nay tội nghiệp của ông đã đầy, hãy mau đền mạng đi!”. Sáng hôm sau, Triệu Nhi định mổ heo, bất chợt bị điên cuồng, kêu gào rồi chết.

* Đời Thục, ông Dân Quý Thiệu ưa ăn thịt chó, trước nay giết chó rất nhiều. Một hôm, ông ta nuôi được một con chó mực. Vì uống rượu say nên đến tối mới trở về nhà. Con chó ấy sủa rân, Thiệu tức giận lấy búa đập nó. Lúc đó, có một đứa bé từ trong nhà chạy ra, bị cái búa đập trúng vào đầu, chết liền tức khắc.

* Đời Đường, quan Nội thị Từ Khả Phạm thích ăn thịt lừa. Trước tiên buộc con lừa vào cột, rồi đốt lửa xung quanh, đợi đến khi nó mệt mới

khát nước thì dùng ngũ vị hòa chung với nước cho uống, sau đó mới làm thịt. Về sau, may mắn được vua Hy Tông ban cho tỉnh Tứ Xuyên. Ngay khi ấy ông mắc bệnh, lúc ngủ đều thấy lửa ăn thịt mình, lại thích đốt lửa dưới giường, rót dầu dấm nóng vào thân mình, không bao lâu thì chết.

* Kỳ Cu Triệu là người trông coi miếu ở Kiến Khương. Khi ông bị bệnh, có người bảo uống máu nai sẽ khỏi bệnh. Triệu bèn mua ba, bốn con nai, buộc chúng vào gốc cây, dùng ống sắt đâm vào thịt để lấy máu. Mỗi ngày, những con nai phải chịu đau đớn khôn cùng. Về sau, ông bị nổi mụn nhọt đầy mình, phải dùng ống trúc rót nước nóng vào. Trải qua hai tháng rồi chết.

* Ở vùng Lâm Xuyên Đông Dư, có người vào núi bắt được vượn con đem về nhà. Vượn mẹ bèn tìm đến nhà ấy. Người kia buộc vượn con trên cây để cho vượn mẹ thấy. Vượn mẹ tay bụm hai má hướng về người kia buồn khóc cầu xin. Nhưng rốt cuộc, người kia chẳng những không thả mà còn giết chết vượn con. Vượn mẹ bị thảm kêu gào rồi chết. Người kia mổ bụng vượn mẹ thì thấy ruột đứt từng đoạn. Không bao lâu, cả nhà ấy đều bị bệnh dịch mà chết.

* Trên đường qua nước Tề, Tù Hài thấy một con rắn bị kẹt trên hốc đá, trên đầu bị chảy máu. Ông bèn dùng cây khều nó ra, rồi đem thả xuống nước. Về sau ông đi qua chỗ của rắn, con rắn ngậm một viên ngọc hướng đến ông. Tù Hài không dám lấy. Đêm ấy, ông nằm mộng thấy đạp trúng một con rắn, giật mình thức giấc bèn được hai viên ngọc.

* Đòi nhà Lương, Lưu Chi Hưởng làm quan ở Nam Quận, thường mộng thấy hai người họ Lý đến xin cứu mạng. Chi Hưởng không hiểu ý. Sáng hôm sau, ông thấy còn sót hai con cá chép chưa làm thịt. Chi Hưởng nghĩ rằng, đây là việc cảm ứng trong mộng nên liền thả chúng. Đêm ấy, ông chiêm bao thấy hai người đến tạ ơn, nói rằng: “Chúng tôi sẽ giúp ông tăng tuổi thọ thêm mười hai năm nữa!”.

* Niên hiệu Hàm Thông đời Đường, ở vùng quê tại Nhạc Châu, có người nọ thấy ao hồ khô cạn bèn bắt rất nhiều cá, rùa... làm thịt chở đến Giang Lăng để bán và thu được rất nhiều tiền, bèn mua vải vóc, vàng bạc rồi trở về nhà. Sau đó, bỗng nhiên toàn thân nổi nhọt đau đớn vô

cùng. Ông phải nhảy xuống nước, hình dáng dần dần trở nên giống con rùa. Trải qua một năm, da thịt hư rữa mà chết.

* Năm thứ tám niên hiệu Thiên Bảo (749) đời Đường, ở Đương Đồ có người chuyên làm nghề bắt lươn, cá. Mùa Thu năm ấy, ông bắt được ba con lươn. Con ông đem chặt đầu lột da, định đem nấu canh. Lúc quay lại nhìn, lươn đều biến thành rắn bò đi. Đứa con bỗng nhiên sinh bệnh, hôm sau thì qua đời. Cả nhà bảy người lần lượt chết hết.

* Người ở Tú Châu thích ăn khô cá trạch. Vùng đó có Trần Ngũ bán khô rất ngon, mọi người tranh nhau đến mua. Về sau ông bị bệnh, chỉ lẫn quẩn trên giường, đau đớn mười ngày, toàn thân lở loét. Vợ ông bảo: “Thường ngày cách làm khô cá trạch của ông rất tàn ác, nay bệnh ông giống như lúc cá trạch bị chết”.

* Thời Đường, có ông Quý Chiêm mỗi ngày luôn tìm cầu những thức ăn ngon. Mỗi khi ông muốn ăn ba ba, thường buộc chân nó phơi giữa nắng trưa. Khi con ba ba khát thì cho uống rượu, rồi đem đi nấu. Một hôm, ông vừa mới kéo đầu ba ba, bỗng nhiên mất sức ngã lăn xuống đất, kêu lên: “Đám ba ba đòi tôi mau chóng đền mạng!”, sau đó rồi chết. Giây lát người đầu bếp trong nhà ông cũng chết theo.

* Mẹ của thầy thuốc Sa Trợ Giáo rất thích ăn cua nên sát sinh vô số. Năm thứ 17 niên hiệu Thiệu Hưng (1147) thời Bắc Tống, bà qua đời. Có đứa cháu mười tuổi, chợt thấy một bà lão toàn thân chảy máu, phá cửa rào đi vào, nói rằng: “Do trước kia bà ăn cua quá nhiều nên chịu quả báo bị đánh đui vào ngọn núi cua. Cháu nên vì ta ấn tống quyển Sinh Thần Chương rồi đốt”. Nói xong thì biến mất.

* Niên hiệu Kiến Nghiệp đời Tống, có một người đàn bà hành khát bị nổi một cục thịt trên lưng, lớn như cái chén, bên trong có một vật giống ổ tầm. Khi đi cục thịt ấy phát ra tiếng, vô cùng đau đớn. Một hôm, lúc đi xin ăn ngoài chợ, bà ấy tự nói rằng: “Suốt đời tôi thích nhất là nuôi tầm nên cùng với chị em dâu chia nhau mà nuôi. Bởi tôi trộm lấy một túi kén đem đi đốt. Một lát sau trên lưng nổi mụn, dần dần trở thành cục thịt như bây giờ”. Mấy năm sau, cục thịt vỡ ra, bà qua đời.

* Đời Đường, Lục Hiếu Chánh ở Ung Châu, làm quan Phủ Tá ở Tháp Châu, tánh tình nóng nảy hay giết hại. Trước kia, trong phủ có một tông, chúng bay lượn tụ tập ở trên cây phía Nam. Hiếu Chánh sai người

dời đi nơi khác, nhưng đàn ong vẫn không chịu đi. Hiếu Chánh bèn bảo người đem nước sôi tạt cho chúng chết. Năm sau, bỗng có một con ong chích nọc độc vào lưỡi Hiếu Chánh. Lưỡi xưng đỏ lên bít cả miệng rồi chết.

* Luật sư Tu Chuẩn ở chùa Đại Từ thuộc Quận Thục, tánh tình rất nóng nảy. Trước sân chùa trồng trúc, thường có nhiều kiến bò theo lan can. Sư tức giận đốt hết trúc, bỏ kiến vào trong lửa đỏ. Về sau, bỗng nhiên trên mặt và khắp thân Sư nổi u nhọt. Sư đi chữa bệnh, thầy thuốc bảo: “U nhọt này không thể chữa được”, cuối cùng Sư qua đời.

* Pháp sư Tú Vinh ở chùa Kim Hoa tại Quận Thục. Vốn trong chùa có nhiều củ tùng bách, nên thường sinh ra vô số sâu róm. Sư tức giận, bảo người quét dọn, đem củ chất ngoài nắng. Trải qua hơn một tháng, chúng đều chết hết. Một hôm, bỗng có muôn ngàn sâu róm đến cắn Sư rồi bỏ đi.

* Vua Đường Văn Tông thích ăn sò. Một hôm, có một con sò tách không ra. Nhà vua tự mình tách nó để ăn thì thấy bên trong có một tượng Quán Âm. Nhà vua kinh sợ, đem việc này hỏi Thiền sư Duy Chánh. Thiền sư trả lời: “Đó chính là làm phát khởi lòng tin của Bệ hạ thôi!”. Trong kinh có nói: “Người đáng dùng thân Phật, Bồ-tát để độ thì liền hiện thân Bồ-tát, nói pháp cho họ nghe”. Nhà vua nói: “Thân Bồ-tát đã thấy rồi, nhưng chưa nghe nói pháp”. Thiền sư Duy Chánh bảo: “Bệ hạ tin chẳng?”. Nhà vua đáp: “Đâu dám không tin”. Sư nói: “Đã vì bệ hạ nói pháp rồi!”. Nhà vua vô cùng vui vẻ, bèn không ăn sò nữa. Sau đó, ban chiếu chỉ bảo khắp thiên hạ tạc tượng Quán Âm tôn thờ.

(dịch xong 06-03-2003 tại chùa Bửu Liên)

Giác Đoan: tên loài thú thú xưa, thân hình cao mấy chục trượng, có một sừng giống như tê giác, nói được tiếng người.